

Phần I.

CÁC LỖI VÀ KHẢ NĂNG HỒNG HỌC .

1. Các lỗi của máy Aficio 1060 :

1.1. Hệ thống quét ảnh :

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hồng học.
101	C	Lỗi đèn quét.
		<p>Nguồn đèn bật đèn quét không sáng.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi đèn quét. 2. Lỗi của bộ dao động tạo điện áp cho đèn quét. 3. Lỗi kết nối của đèn quét. 4. Tấm trắng tiêu chuẩn bản. 5. Bản gương hoặc gương tiến ra không đúng vị trí. 6. Lỗi của bảng SBU. 7. Lỗi kết nối của bảng SBU. 8. Lỗi của IPU.
120	B	Lỗi 1 vị trí ban đầu của dàn Scan.
		<p>Sensor vị trí ban đầu của dàn scan không nhận dạng được dàn scan khi nó về vị trí ban đầu.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của SBU và SDRB (bảng điều khiển dàn scan). 2. Lỗi của động cơ Scan. 3. Đường dây nối giữa SBU, SDRB , Động cơ scan bị đứt. 4. Lỗi của sensor vị trí ban đầu của dàn Scan. 5. Dây nối của sensor vị trí ban đầu và SBU bị đứt. 6. Đứt cáp kéo dàn scan , đứt dây của roa . Hoặc lắp sai dàn scan.
121	B	Lỗi 2 vị trí ban đầu của dàn Scan.
		<p>Sensor vị trí ban đầu của dàn scan không nhận dạng được dàn scan khi nó về vị trí ban đầu.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của SBU và SDRB (bảng điều khiển dàn scan). 2. Lỗi của động cơ Scan. 3. Đường dây nối giữa SBU, SDRB , Động cơ scan bị đứt. 4. Lỗi của sensor vị trí ban đầu của dàn Scan.

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hỏng hóc.
		5. Dây nối của sensor vị trí ban đầu và SBU bị đứt. 6. Đứt cáp kéo dàn scan , đứt dây của roa . Hoặc lắp sai dàn scan.
122	B Lỗi 3 vị trí ban đầu của Sensor vị trí ban đầu của dàn scan không nhận dạng được dàn scan khi nó về vị trí ban đầu.	dàn scan. 1. Lỗi của SBU và SDRB (bảng điều khiển dàn scan). 2. Lỗi của động cơ Scan. 3. Đường dây nối giữa SBU, SDRB , Động cơ scan bị đứt. 4. Lỗi của sensor vị trí ban đầu của dàn Scan. 5. Dây nối của sensor vị trí ban đầu và SBU bị đứt. 6. Đứt cáp kéo dàn scan , đứt dây của roa . Hoặc lắp sai dàn scan.
123	B Lỗi 3 vị trí ban đầu của Sensor vị trí ban đầu của dàn scan không nhận dạng được dàn scan khi nó về vị trí ban đầu.	dàn scan. 1. Lỗi của SBU và SDRB (bảng điều khiển dàn scan). 2. Lỗi của động cơ Scan. 3. Đường dây nối giữa SBU, SDRB , Động cơ scan bị đứt. 4. Lỗi của sensor vị trí ban đầu của dàn Scan. 5. Dây nối của sensor vị trí ban đầu và SBU bị đứt. 6. Đứt cáp kéo dàn scan , đứt dây của roa . Hoặc lắp sai dàn scan.
143	D Lỗi khi tự động điều	chỉnh SBU.
	Tự động điều chỉnh của SBU tại thời điểm bật công tắc nguồn máy.	1. Lỗi đèn chụp. 2. Lỗi bộ dao động tạo điện áp đèn chụp. 3. Lỗi kết nối của đèn chụp và nguồn đèn chụp. 4. Bắn tấm trắng chuẩn hoặc lắp sai. 5. Gương của cụm scan bắn hoặc tiến ra sai vị trí. 6. Lỗi của bảng SBU.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
		7. Lỗi của bảng VIB. 8. Dây nối giữa các bảng SBU và VIB bị đứt. 9. Dây nối giữa các bảng BCU và VIB bị đứt. 10. Lỗi của IPU. 11. Lỗi của bảng BCU.
144	D	Lỗi truyền tin của SBU.
	Sau khi SBU bật nguồn , BCU phải nhận được một trong các tín hiệu kết nối trong SBU sau : - Sau 1s bật nguồn , tín hiệu SYDI không chuyển trạng thái cao, sau 1s tiếp theo cũng không chuyển. - Sau 1s bật nguồn , tín hiệu SYDI chuyển trạng thái cao nhưng SBU không đọc được sau 3 lần thử.	1. Lỗi của SBU. 2. Lỗi của VIB. 3. Lỗi kết nối của giắc cắm 40 chân giữa hai bảng SBU và VIB. 4. Cáp nối giữa SBU và VIB bị đứt. 5. Lỗi của IPU.
181	C	Lỗi của đèn CIS.
	Sau khi đèn CIS bật . Đèn CIS không nhận dạng được trạng thái bật. Tương tự như tham số mức trắng luôn lớn nhất khi hiệu chỉnh sắc thái.	1. Lỗi của đèn CIS. 2. Lỗi của bảng nguồn đèn CIS. 3. Dây nối từ bảng nguồn đến đèn CIS bị đứt. 4. Dây nối giữa CIS và ADF bị đứt. 5. Bản kính của đèn CIS. 6. Trục trắng bản hoặc lắp sai. 7. Lỗi của cụm đèn CIS. 8. Lỗi của PSU.
183	D	Lỗi tự động điều chỉnh CIS.
	Lỗi khi tự động điều chỉnh cụm CIS.	1. Lỗi của cụm CIS. 2. Bản kính của đèn quét CIS. 3. Trục trắng bản hoặc lắp sai. 4. Lỗi của điện áp +5v, - 12v của nguồn cung cấp PSU. 5. Lỗi của IPU.
184	C	Lỗi truyền tin của CIS.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	<p>Nguồn của CIS bật , ADF nhận được các tín hiệu kết nối không bình thường của cụm CIS :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tín hiệu SOUT không chuyển lên mức cao sau 1s bật nguồn của cụm CIS. - Tín hiệu SOUT chuyển lên mức cao sau 1s bật nguồn , nhưng ID của SBU không đọc được sau 1s và 3 lần liên tiếp. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của cụm CIS. 2. Đứt dây nối giữa cụm CIS và ADF. 3. Lỗi của điện áp +5V ở nguồn cung cấp PSU. 4. Lỗi của BCU và IPU.

1.2. Hệ thống tráng ảnh :

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
300	C	Lỗi đầu ra của cao áp sạc.
	Điện áp phản hồi từ cụm cao áp sạc được nhận cao tới 9 lần.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của nguồn cao áp sạc. 2. Đứt dây nối cao áp sạc. 3. Tiếp xúc của cụm cao áp sấu.
303	C	Dò điện áp lưới sạc.
	Điện áp ra của cao áp lưới vượt quá 9 lần qui định.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của nguồn cao áp sạc. 2. Đứt dây nối của nguồn sạc. 3. Tiếp xúc của cụm cao áp sạc tồi.
305	C	Lỗi 1 của động cơ lau dây cao áp.
	<p>Động cơ lau dây cao áp sạc nhận thấy :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động cơ bị khoá sau 4s kể từ lúc bật nguồn hoặc không khoá trong khoảng 30sec. - Động cơ bị khoá trong khoảng 10sec kể từ thời điểm quay ngược trở lại, hoặc không khoá trong khoảng 30sec. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của động cơ lau dây cao áp. 2. Lỗi của bảng BCU.
306	C	Lỗi 2 của động cơ lau dây cao áp.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	Dòng của động cơ lau dây cao áp nhỏ hơn 83mA.	Lỗi kết nối hoặc không kết nối động cơ lau dây cao áp.
310	D	Lỗi 1 khi sensor đo điện thế trống.
	sensor kiểm tra điện thế trống đưa ra điện áp ra không nằm trong khoảng cho phép của đặc tính kỹ thuật (- 100v, - 800v) đặt tới trống OPC.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của sensor đo điện thế trống. 2. Dây nối tới sensor bị đứt. 3. Lỗi kết nối của sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi kết nối của Trống OPC. 6. Lỗi của bảng nguồn điện áp trực từ.
311	D	Lỗi 2 khi sensor đo điện thế trống.
	sensor kiểm tra điện thế trống đưa ra điện áp ra không nằm trong khoảng cho phép của đặc tính kỹ thuật (- 100v, - 800v) đặt tới trống OPC.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của sensor đo điện thế trống. 2. Dây nối tới sensor bị đứt. 3. Lỗi kết nối của sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi kết nối của Trống OPC. 6. Lỗi của bảng nguồn điện áp trực từ.
312	D	Lỗi 3 khi sensor đo điện thế trống.
	Sensor đo điện thế trống đưa ra điện áp ra (VD) khi điều chỉnh điện thế đặt vào trống lớn hơn điện thế lưới (VG). Hoặc : Khi điều chỉnh VD (điện thế mặt trống ở vùng đen sau khi quét) ngang bằng với sau 5 điều chỉnh VG (điện thế lưới sạc) mà VD vẫn không nằm trong khoảng (-800±10 + VL + 130 V).	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của sensor đo điện thế. 2. Dây nối của sensor bị đứt. 3. Lỗi kết nối của sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi kết nối của trống OPC. 6. Lỗi bảng nguồn thiên áp từ. 7. Đầu ra của cao áp sạc mòn, bẩn.
314	D	Lỗi 4 khi sensor đo điện thế trống.
	Khi điều chỉnh điện áp nguồn LD , nó sẽ điều	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của sensor đo điện thế. 2. Dây nối của sensor bị đứt.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	<p>chỉnh điện áp VH mà sensor đo điện thế mặt trống đo được. Lúc đầu VH là giá trị giả sau đó sensor sẽ đo được giá trị tuyệt đối VH nhỏ hơn 500v:</p> $VH > -500 + VL + 130 v$	<p>3. Lỗi kết nối của sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi kết nối của trống OPC. 6. Lỗi LD.</p>
315	D	Lỗi 5 khi sensor đo điện thế trống.
	<p>Khi đặt điện áp -100V vào trống sensor đo điện thế trống đo được giá trị ngoài khoảng cho phép.</p>	<p>1. Lỗi của sensor đo điện thế. 2. Dây nối của sensor bị đứt. 3. Lỗi kết nối của sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi kết nối của trống OPC. 6. Lỗi của nguồn thiên áp từ.</p>
316	D	Lỗi 6 khi sensor đo điện thế trống.
	<p>Khi đặt điện áp -800V vào trống sensor đo điện thế trống đo được giá trị ngoài khoảng cho phép.</p>	<p>1. Lỗi của sensor đo điện thế. 2. Dây nối của sensor bị đứt. 3. Lỗi kết nối của sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi kết nối của trống OPC. 6. Lỗi của nguồn thiên áp từ.</p>
317	D	Lỗi 7 khi sensor đo điện thế trống.
	<p>Khi điều chỉnh điện áp VL, sensor đo điện thế mặt trống đo được giá trị không nằm trong khoảng (0V ~ - 400V) . (VL là giá trị điện áp của sensor đo được sau khi chiếu ánh sáng vào mẫu trắng).</p>	<p>1. Lỗi của sensor đo điện thế. 2. Dây nối của sensor bị đứt. 3. Lỗi kết nối của sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi kết nối của trống OPC. 6. Lỗi của nguồn thiên áp từ. 7. Nguồn cao áp sạc lỗi.</p>
321	C	Lỗi 1 không có tín hiệu viết Laser (F - Gate) :
	<p>Tín hiệu viết laser (F-Gate) tới IPU không xuống thấp trong khoảng 60sec.</p>	<p>1. Lỗi bảng IPU. 2. Lỗi kết nối từ bảng PCI đến IPU.</p>
322	C	Lỗi nhận dạng tín hiệu đồng bộ Laser.
	<p>Sau khi động cơ gương</p>	<p>1. Lỗi kết nối giữa bộ nhận tín</p>

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	nhiều cạnh quay đạt tốc độ tiêu chuẩn và tia laser phát khoảng 500ms , bộ nhận tín hiệu đồng bộ không nhận được tín hiệu laser phát ra.	hiệu đồng bộ và I/F. 2. Bộ nhận tín hiệu đồng bộ lắp sai. 3. Bảng nhận tín hiệu đồng bộ lỗi. 4. Lỗi bảng điều khiển. 5. Lỗi Bảng IPU. 6. Lỗi bảng LDB.
335	C	Lỗi 1 của động cơ gương nhiều cạnh.
	Tín hiệu Ready không xuống thấp trong khoảng 20sec sau khi động cơ gương nhiều cạnh bật ON hoặc chuyển đổi tốc độ quay.	1. Dây nối giữa động cơ gương nhiều cạnh và I/F đứt hoặc có lỗi. 2. Động cơ gương nhiều cạnh hoặc bộ điều khiển gương nhiều cạnh có lỗi. 3. Lỗi ở bảng IPU.
336	C	Lỗi 2 của động cơ gương nhiều cạnh.
	Tín hiệu Ready không lên cao trong khoảng 20sec sau khi động cơ gương nhiều cạnh tắt OFF.	1. Dây nối giữa động cơ gương nhiều cạnh và I/F đứt hoặc có lỗi. 2. Động cơ gương nhiều cạnh hoặc bộ điều khiển gương nhiều cạnh có lỗi. 3. Lỗi ở bảng IPU.
337	C	Lỗi 3 của động cơ gương nhiều cạnh.
	Tín hiệu XSCRDY lên cao trong khoảng thời gian động cơ gương nhiều cạnh bật (ON). Lệnh này tồn tại suốt cả khi động cơ tắt hoặc thay đổi tốc độ.	1. Dây nối giữa động cơ gương nhiều cạnh và I/F đứt hoặc có lỗi. 2. Động cơ gương nhiều cạnh hoặc bộ điều khiển gương nhiều cạnh có lỗi. 3. Lỗi ở bảng IPU.
338	C	Lỗi 4 của động cơ gương nhiều cạnh.
	Tín hiệu XSCDY ở mức cao trong khoảng thời gian động cơ gương nhiều cạnh quay , quét ảnh.	1. Dây nối giữa động cơ gương nhiều cạnh và I/F đứt hoặc có lỗi. 2. Động cơ gương nhiều cạnh hoặc bộ điều khiển gương nhiều cạnh có lỗi.

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hỏng hóc.
		3. Lỗi ở bảng IPU.
340	D	Lỗi điện áp ra của TD Sensor.
		Điện áp ra của TDsensor trong mỗi chu kỳ copy đưa ra trong khoảng : $V_T = 0.5V$ hoặc nhỏ hơn. $V_T = 4.0V$ hoặc lớn hơn.
		1.Lỗi của TDsensor. 2.Lỗi kết nối của TDsensor. 3.Lỗi của BCU. 4.Lỗi của động cơ quay lọ mực.
341	C	Lỗi 1 khi điều chỉnh TD Sensor.
		Trong quá trình điều chỉnh tự động TD sensor , điện áp ta $V_t = 2.5v$ hoặc cao hơn.Điện áp kiểm tra giảm về giá trị nhỏ nhất (PMW=0). Lỗi xuất hiện vào mã SP2 - 906 - 1: đọc = 0.00v. Chú ý : Khi điều chỉnh tự động TDsensor mà xuất hiện lỗi SC , để thoát khỏi tình trạng lỗi phải tắt máy bật lại. Lúc này phải chuyển sang cung cấp mực bằng ID sensor.
		1.Lỗi của TDsensor. 2.Lỗi kết nối của TDsensor. 3.Lỗi của BCU. 4.Lỗi của động cơ quay lọ mực. Chú ý: Khi TDsensor lỗi phải sử dụng phương pháp cấp mực cố định và cấp mực bằng ID sensor.
342	C	Lỗi 2 khi điều chỉnh TD Sensor.
		Điều chỉnh tự động TD sensor , giá trị điện áp ra của nó không nằm trong dải ($3.0 \pm 0.1V$) trong khoảng 20sec. Khi máy báo lỗi , vào mã SP2-906 - 1 đọc giá trị bằng 0.00V. Chú ý : Khi điều chỉnh tự động TDsensor mà xuất hiện lỗi SC , để thoát khỏi tình trạng lỗi phải tắt máy bật lại. Lúc này phải chuyển sang cung cấp
		1.Lỗi của TDsensor. 2.Lỗi kết nối của TDsensor. 3.Lỗi của BCU.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	mức bằng ID sensor.	
345	C	Lỗi của điện áp đặt vào trực từ.
	Điện thế đặt vào trực từ được tìm thấy 10 lần cao hơn 45% giá trị giới hạn trên của PWM.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của bảng nguồn thiên áp từ. 2. Lỗi kết nối của thiên áp từ. 3. Đứt kết nối thiên áp từ.
350	C	Lỗi 1 của ID sensor.
	Khi ID sensor mẫu kiểm tra hai lần liên tiếp mà điện áp đầu ra rơi vào một trong các trường hợp sau máy sẽ báo lỗi : $V_{SP} \geq 2.5V$. $V_{Sg} < 2.5V$. $V_{SP} = 0.0V$. $V_{Sg} = 0.0V$.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của ID sensor. 2. Đứt dây nối của ID sensor. 3. Lỗi kết nối của ID sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi ở mẫu để ID sensor viết. 6. Lỗi khi chuyển bảng nguồn. 7. ID sensor bẩn.
351	C	Lỗi 2 của ID sensor.
	Tín hiệu đầu vào gửi tới PWM từ ID sensor bằng 0 khi kiểm tra IDsensor mẫu và Điện áp đầu ra của ID sensor bằng 5.0V máy báo lỗi.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của ID sensor. 2. Đứt dây nối của ID sensor. 3. Lỗi kết nối của ID sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi ở mẫu để ID sensor viết. 6. Lỗi khi chuyển bảng nguồn. 7. ID sensor bẩn.
352	C	Lỗi 3 của ID sensor.
	Trong 2sec kiểm tra ID sensor mẫu điện áp đầu ra của nó không đạt 2.5V hoặc sau 800ms không nhận dạng được mẫu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của ID sensor. 2. Đứt dây nối của ID sensor. 3. Lỗi kết nối của ID sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi ở mẫu để ID sensor viết. 6. Lỗi khi chuyển bảng nguồn. 7. ID sensor bẩn.
353	C	Lỗi 4 của ID sensor.
	Khi lấy lại tham số ban đầu của ID sensor nhận được điện áp ra trong các	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của ID sensor. 2. Đứt dây nối của ID sensor. 3. Lỗi kết nối của ID sensor.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	trường hợp sau. - VSg < 4.0V đồng thời với giá trị đầu vào PWM lớn nhất (255) đặt tới ID sensor. - VSg ≥ 4.0V đồng thời với giá trị đầu vào PWM nhỏ nhất (0) đặt tới ID sensor.	4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi ở mẫu để ID sensor viết. 6. Lỗi khi chuyển bảng nguồn. 7. ID sensor bẩn.
354	C	Lỗi 5 của ID sensor.
	Điều chỉnh điện áp đầu ra VSg giảm về (4.0 ± 0.2V) trong khi kiểm tra VSg.	1. Lỗi của ID sensor. 2. Đứt dây nối của ID sensor. 3. Lỗi kết nối của ID sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi ở mẫu để ID sensor viết. 6. Lỗi khi chuyển bảng nguồn. 7. ID sensor bẩn.
354	C	Lỗi 6 của ID sensor.
	Sau 20sec khởi động tự động điều chỉnh Vsg không về giá trị (4.0 ± 0.2V).	1. Lỗi của ID sensor. 2. Đứt dây nối của ID sensor. 3. Lỗi kết nối của ID sensor. 4. Lỗi của BCU. 5. Lỗi ở mẫu để ID sensor viết. 6. Lỗi khi chuyển bảng nguồn. 7. ID sensor bẩn.

1.3. Hệ thống chuyển ảnh :

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
401	C	Lỗi đầu ra của cao áp tách mực.
		Điện áp phản hồi của đầu ra cao áp tách mực lớn hơn 4V trong 60ms. 1. Nguồn cao áp tách mực. 2. Tiếp xúc ở các đầu nối ở bảng nguồn cao áp kém.
402	C	Lỗi dò đầu ra của cao áp tách mực.
		Điện áp phản hồi từ đầu ra của cao áp tách mực trong 60ms chỉ đạt 24% giá trị của PWM. 1. Nguồn cao áp tách mực. 2. Đứt dây nối ở cụm đầu ra cao áp tách mực. 3. Lỗi kết nối với cụm đầu ra cao áp tách mực.
430	C	Lỗi của đèn xoá trắng.
		Quá trình tự động điều chỉnh tham số ban đầu sensor đo điện thế mặt trống đo được giá trị nhỏ hơn 400V so với giá trị qui định. 1. Lỗi của đèn xoá trắng. 2. Đứt dây nối của đèn xoá trắng. 3. Lỗi kết nối của đèn xoá trắng.
440	C	Lỗi xung khoá động cơ chính.
		Tín hiệu khoá của động cơ chính gửi về chậm hơn 2sec kể từ khi động cơ chính ON. 1. Lỗi của hệ thống cơ khí của động cơ. 2. Lỗi của động cơ chính.
441	C	Lỗi xung khoá động cơ từ.
		Tín hiệu khoá của động cơ từ gửi về cao hơn 2sec kể từ khi động cơ từ ON. 1. Lỗi của hệ thống cơ khí của động cơ. 2. Lỗi của động cơ từ.
490	C	Lỗi xung khoá động cơ quạt thông gió chính.
		Tín hiệu khoá của động cơ quạt gửi về cao hơn 5sec kể từ khi động cơ quạt ON. 1. Lỗi cơ khí của khối động cơ quạt . 2. Lỗi của động cơ quạt gió chính.
495	C	Lỗi của bộ hồi mực thải.
		Xung mã hoá không chuyển sau 3sec động cơ chính hoạt động. 1. Chủ yếu là hệ thống cơ khí. 2. Lỗi kết nối của sensor hết mực.

<i>SC No</i>		<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
496	C	Lỗi của bình mực thải.	
		Công tắc nhận bình mực thải OFF khi cửa phía trước đóng.	1. Không có bình mực thải. 2. Lỗi kết nối của công tắc nhận bình mực thải.
497	C	Lỗi của động cơ thu hồi mực thải.	
		Tín hiệu kết nối của động cơ thu hồi mực thải OFF trong 1sec.	1. Lỗi của động cơ thu hồi mực thải. 2. Lỗi kết nối của động cơ.

1.4. Hệ thống kéo giấy, duplex, bộ sấy ảnh :

<i>SC No</i>		<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
501	C	Bộ nâng khay 1 làm việc sai chức năng.	
		- Sensor nâng khay không kích hoạt sau 10sec động cơ nâng khay khởi động nâng bàn để giấy. - Lẫy của sensor hạn chế chiều cao của giấy không quay về sensor sau 4 copy.	1. Lỗi không kết nối của động cơ nâng khay. 2. Lỗi do sự cản trở của giấy hoặc các cản trở khác làm động cơ không nâng được khay. 3. Role Pick - up không kết nối , hoặc không kết nối cả khối kéo giấy khay 1.
502	C	Bộ nâng khay 2 làm việc sai chức năng.	
		- Sensor nâng khay không kích hoạt sau 10sec động cơ nâng khay khởi động nâng bàn để giấy. - Lẫy của sensor hạn chế chiều cao của giấy không quay về sensor sau 4 copy.	1. Lỗi không kết nối của động cơ nâng khay. 2. Lỗi do sự cản trở của giấy hoặc các cản trở khác làm động cơ không nâng được khay. 3. Role Pick - up không kết nối , hoặc không kết nối cả khối kéo giấy khay 2.
503	C	Bộ nâng khay 3 làm việc sai chức năng.	
		- Sensor nâng khay không kích hoạt sau 13sec động cơ nâng khay khởi động nâng bàn để giấy. - Khi bật công tắc nguồn , sensor nhận khay liên tục	1. Lỗi của động cơ nâng khay. hoặc động cơ không kết nối. 2. Lỗi của sensor nâng khay hoặc sensor không kết nối.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	đòi đóng lại khay trong 5s. Động cơ dừng và khởi động lại sau đó đóng lại khay không được báo SC.	
504	C	Bộ nâng khay 4 làm việc sai chức năng.
		Chỉ có máy sử dụng ở nhật bản.
507	C	Động cơ kéo giấy LCT làm việc sai chức năng.
		<p>Lỗi này xảy ra trong các trường hợp sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tín hiệu LD của động cơ kéo giấy không bình thường sau 50ms kể từ khi động cơ ON. - Khi bật nguồn động cơ kết nối không tốt.
510	C	LCT làm việc sai chức năng
		<p>Lỗi sẽ xảy ra trong các trường hợp sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nâng bàn để giấy của khay sau 18s sensor hạn chế trên không ON. - Khi hạ bàn để giấy của khay sau 18s sensor hạn chế dưới không ON. - Sau khi bắt đầu nâng khay sensor hạn chế trên không chuyển trạng thái ON trước khi role Pick-up chuyển trạng thái ON. - Sensor báo hết giấy ON cùng với sự nâng khay và sensor hạn chế trên không chuyển ON trong 2.5s . và có cảnh báo Reset Paper.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
515	C	Lỗi của động cơ điều khiển chặn giấy sau khay kép.
	Lỗi xảy ra các trong các trường hợp sau : - Cái chặn phía sau không tới vị trí trong khoảng 10s kể từ khi động cơ ON hoặc không trở về vị trí ban đầu. - Sensor vị trí ban đầu của cái chặn phía sau không hoạt động đúng thời gian.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Động cơ điều khiển chặn giấy sau lỗi hoặc không kết nối. 2. Các lỗi về giấy và các lỗi khác của động cơ. 3. Kẹt cơ khí. 4. Lỗi của sensor vị trí ban đầu của chặn giấy hoặc bản.
520	C	Lỗi 1 của động cơ điều khiển chặn giấy trong duplex.
	Dịch chuyển chặn giấy về vị trí ban đầu nhưng sensor vị trí ban đầu không ON. Động cơ dịch chuyển chặn giấy về vị trí 153.5mm.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kẹt giấy hoặc các nguyên nhân cơ khí khác. 2. Lỗi sensor vị trí đầu hoặc nó không kết nối.
521	C	Lỗi 2 của động cơ điều khiển chặn giấy trong duplex.
	Dịch chuyển chặn giấy về vị trí ban đầu nhưng sensor vị trí ban đầu không ON. Động cơ dịch chuyển chặn giấy về vị trí 153.5mm.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kẹt giấy hoặc các nguyên nhân cơ khí khác. 2. Lỗi sensor vị trí đầu hoặc nó không kết nối.
541	A	Mở bộ đo nhiệt độ sấy
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ sấy bộ đo nhiệt độ nhận được thấp hơn 7°C trong 36sec. - Bộ đo nhiệt độ sấy ở giữa không bình thường.
542	A	Lỗi của bộ sấy khi chờ sấy.
		<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi bật công tắc nguồn hoặc khi đóng cửa phía trước nhiệt độ sấy không đạt 80°C trong

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	360sec . - Sau khi đèn sấy sấy sấy trực sấy đến 80°C nó không tăng được nhiệt độ lên 2°C trong 20sec.	
543	A	Lỗi 1 nhiệt độ sấy quá cao (phần mềm).
	- Sensor đo nhiệt độ ở giữa đo được nhiệt độ lớn hơn 230°C. - Sensor đo nhiệt độ ở cuối đo được nhiệt độ 220°C 5 lần trong 100ms.	1. Lỗi của BCU. 2. Lỗi của PSU.
544	A	Lỗi 1 nhiệt độ sấy quá cao (Phần máy).
	BCU nhận dạng được lỗi nhiệt độ sấy quá cao, nhưng phần mềm bảo vệ nhiệt độ không làm việc.	1. Lỗi của BCU. 2. Lỗi của PSU.
545	A	Lỗi 2 nhiệt độ sấy quá cao .
	Sau khoảng thời gian sấy nóng trực sấy máy khởi động trực sấy quay, hai đèn sấy vẫn sáng tối đa trong 55sec.(tiêu chuẩn chỉ được phép sáng trong 45sec).	Sensor đo nhiệt độ sấy không đúng vị trí.
547	B	Tín hiệu phản nghịch "0" Không đúng chức năng.
	Nhận dạng 10 lần liên tiếp một trong các trường hợp sau : - Khi bật công tắc nguồn máy tần số của tín hiệu "Zero" trong 500ms có tần số lớn hơn 66Hz hoặc nhỏ hơn 45HZ. - Khoảng trống của tín hiệu "Zero" và vị trí xuất hiện tiếp theo là 7.5ms hoặc ngắn hơn 3 lần liên	Lỗi của bộ lọc nguồn đầu vào AC.

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hỏng hóc.
	tiếp trong 500ms.	
550	A	Hết giấy lau trực sáy.
	Sensor nhận được 5 lần hết giấy lau trong 500ms và động cơ giấy lau quay liên tục trong 40sec. Sensor tiếp tục nhận thấy hết giấy lau thêm 400sec nữa máy sẽ báo SC550.	1. Hết giấy lau. 2. Lỗi ở sensor báo hết giấy lau. Chú ý : Khi thay cuộn giấy lau mới xong phải xoá lỗi SC 550 bằng mã SP1902 001 đặt về 0.
590	B	Lỗi của động cơ thu hồi mực thải.
	Sensor đầu ra của động cơ thu hồi mực thải không chuyển trạng thái sau 3sec kể từ khi động cơ ON.	1. Lỗi của động cơ thu hồi. 2. Lỗi phân cơ khí của hệ truyền động. 3. Lỗi kết nối hoặc lỗi của sensor. 4. Động cơ bị quá tải.
599	C	Lỗi của động cơ đầu ra bin - 1 (máy sử dụng ở nhật).
	Sensor khoá sự truyền tải không chuyển trạng thái trong 300ms kể từ khi động cơ đầu ra ON.	1. Động cơ quá tải. 2. Lỗi của hệ thống truyền động cơ khí.

1.5. Tham số truyền tin :

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hỏng hóc.
601	C	Lỗi truyền tin thực hiện giữa bảng BCU và khối Scan.
	- BCU không truyền tin được tới khối Scan trong khoảng 0.8s kể từ khi bật công tắc nguồn. - BCU không nhận được tín hiệu ngừng kết nối sau khi đã kết nối với khối scan. - Nhận được 3 lần lỗi truyền tin.	1. Các đường kết nối không chắc chắn. 2. Nhiều bên ngoài ảnh hưởng tới đường truyền.
610	C	Lỗi truyền tin giữa BCU ↔ ADF thời điểm phát tin.
	Sau khi gửi 1 tham số hệ thống tới ADF và tín hiệu	1. Các đường kết nối không chắc chắn.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	ACK không được tiếp nhận trong khoảng 100ms. Và nó không được chấp nhận sau 3 lần gửi.	2. Nhiều bên ngoài ảnh hưởng tới đường truyền.
611	C	Lỗi truyền tin giữa BCU ⇔ ADF thời điểm nhận tin ngừng kết nối.
		Tín hiệu ngừng truyền tin có nhận được từ ADF nhưng chậm. 1. Kết nối không chắc chắn. 2. Dây nối đứt.
612	C	Lỗi lệnh truyền tin giữa BCU ⇔ ADF .
		Lệnh truyền tin không thực hiện gửi được từ máy chính tới ADF. Lỗi phần mềm , nhưng là kết quả của lỗi sản phẩm.
620	C	Lỗi truyền tin giữa BCU ⇔ Finisher thời điểm phát tin.
		Sau khi gửi 1 tham số hệ thống tới Finisher MBX và tín hiệu ACK không được tiếp nhận trong khoảng 100ms. Và nó không được chấp nhận sau 3 lần gửi. 1. Các đường kết nối không chắc chắn. 2. Nhiều bên ngoài ảnh hưởng tới đường truyền.
621	C	Lỗi truyền tin giữa BCU ⇔ Finisher thời điểm nhận tin ngừng kết nối.
		Tín hiệu ngừng truyền tin có nhận được từ Finisher nhưng chậm. 1. Kết nối không chắc chắn. 2. Dây nối đứt.
623	C	Lỗi truyền tin giữa BCU ⇔ Khay 1~3 thời điểm phát tin.
		Sau khi gửi 1 tham số hệ thống tới Tray và tín hiệu ACK không được tiếp nhận trong khoảng 100ms. Và nó không được chấp nhận sau 3 lần gửi. 1. Các đường kết nối không chắc chắn. 2. Nhiều bên ngoài ảnh hưởng tới đường truyền.
624	C	Lỗi truyền tin giữa BCU ⇔ Khay 1 ~ 3 thời điểm nhận tin ngừng kết nối.
		Tín hiệu ngừng truyền tin có nhận được từ khay nhưng chậm. 1. Kết nối không chắc chắn. 2. Dây nối đứt.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
626	C	Lỗi truyền tin giữa BCU ⇔ Khay LCT thời điểm phát tin.
	Sau khi gửi 1 tham số hệ thống tới khay LCT và tín hiệu ACK không được tiếp nhận trong khoảng 100ms. Và nó không được chấp nhận sau 3 lần gửi.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các đường kết nối không chắc chắn. 2. Nhiều bên ngoài ảnh hưởng tới đường truyền.
627	C	Lỗi truyền tin giữa BCU ⇔ Khay LCT thời điểm nhận tin ngừng kết nối.
	Tín hiệu ngừng truyền tin có nhận được từ khay nhưng chậm.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kết nối không chắc chắn. 2. Dây nối đứt.
630	D	Lỗi truyền tin của bộ Kết nối (RSS) và trung tâm (CSS).
	Chỉ có ở Nhật Bản.	
632	B	Lỗi 1 của Bộ khoá đếm/ thẻ.
	Sau khi gửi 1 tham số hệ thống tới Bộ khoá đếm/thẻ và tín hiệu ACK không được tiếp nhận trong khoảng 100ms. Và nó không được chấp nhận sau 3 lần gửi.	Lỗi đường truyền từ máy copy tới khoá bộ đếm hoặc bộ nhận thẻ.
633	B	Lỗi 2 của Bộ khoá đếm/ thẻ.
	Trong khoảng thời gian kết nối với bộ khoá đếm hoặc thẻ tín hiệu ngừng kết nối BCU nhận quá chậm.	Lỗi kết nối giữa khoá bộ đếm hoặc khoá thẻ .
634	B	Lỗi 3 của Bộ khoá đếm/ thẻ.
	Sau khi lắp ráp bộ khoá thẻ tín hiệu khai báo gửi đến Back up RAM bị lỗi.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bảng điều khiển của bộ đếm thẻ bị lỗi. 2. Lỗi pin nguồn của bảng điều khiển thẻ.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
635	B	Lỗi 4 của Bộ khoá đếm/ thẻ.
		Sau khi lắp ráp bộ khoá thẻ nguồn pin cấp cho bảng bị lỗi. 1. Bảng điều khiển của bộ đếm thẻ bị lỗi. 2. Lỗi pin nguồn của bảng điều khiển thẻ.
640	D	Lỗi 1 tham số truyền giữa 2 bảng Controller ↔ BCU.
		Tham số gửi từ BCU tới Controller không được hoặc kiểm tra lỗi. Lỗi lắp ghép nhưng máy không liên tục tới hoạt động..
641	D	Lỗi 2 tham số truyền giữa 2 bảng Controller ↔ BCU.
		Tham số gửi từ BCU tới Controller không được hoặc phải kiểm tra lỗi. Lỗi lắp ghép nhưng máy không liên tục tới hoạt động..
670	B	Lỗi khởi động của máy.
		- Máy không có phản ứng gì sau 30s bật công tắc nguồn. - Máy đột ngột giảm nguồn trong thời gian bật máy và trong thời gian chờ sấy. 1. BCU lắp sai. 2. Lỗi của BCU. 3. Đột ngột bị reset sự truyền tin giữa BCU và Controller.
672	B	Lỗi khởi động controller.
		- Khi bật công tắc nguồn controller không mở cho bàn phím hoạt động bình thường. - Sau khi khởi động sự truyền tin ở controller ngừng. 1. Controller không hoạt động. 2. Controller lắp sai. 3. Lỗi tại bảng controller. 4. Dây nối của bàn phím không kết nối hoặc đứt.
690	C	Lỗi của bộ truyền dữ liệu GAVD block 12.
		Lỗi khi ghi nhận thông tin vào khối. Lỗi IPU.
691	C	Lỗi của bộ truyền dữ liệu GAVD FCI block 12.
		Lỗi khi ghi nhận thông tin vào khối. Lỗi IPU.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hỏng hóc.
692	C	Lỗi của bộ truyền dữ liệu CDIC GAVD block 12.
		Lỗi khi ghi nhận thông tin vào khối.

1.6. Các lỗi ngoại vi :

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hỏng hóc.
700	B	Lỗi 1 khi kéo bản gốc vào ADF.
		Sensor vị trí ban đầu của pick-up roller không chuyển trạng thái khi động cơ pick-up khởi động.
701	B	Lỗi của động cơ nâng khay của ADF.
		- Sensor vị trí của khay không tìm thấy khay khi động cơ nâng khay khởi động. - Sensor vị trí ban đầu của khay không nhận được khay khi động cơ hạ khay về vị trí ban đầu.
720	B	Lỗi của động cơ tải giấy Finisher.
		Xung mã hoá của động cơ tải giấy không chuyển trạng thái (H/L) trong khoảng 600ms và không chuyển trạng thái sau 2 lần kiểm tra.
722	B	Lỗi của động cơ vỗ giấy Finisher.
		- Sensor vị trí ban đầu vẫn còn kích hoạt sau 1000 xung vỗ cạnh giấy trở về vị trí ban đầu. - Sensor vị trí ban đầu vẫn kích hoạt sau 1000 xung vỗ cạnh giấy rời khỏi vị trí ban đầu.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
724	B	Lỗi của động cơ bấm ghim của Finisher.
	Bấm ghim không kết thúc trong 450ms sau khi động cơ bấm ghim khởi động và báo kẹt ghim. Lấy ghim kẹt ra khỏi bộ bấm ghim , không thực hiện được bấm ghim trong 450ms , trong lúc bộ bấm ghim trở về vị trí ban đầu thì máy báo SC.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kẹt ghim. 2. Bộ đập ghim hoạt động quá tải. 3. Động cơ bấm ghim lỗi. 4. Động cơ không kết nối.
725	B	Động cơ tách bộ đầu ra Finisher.
	Sensor vị trí ban đầu của dây cua roa tách bộ đầu ra không kích hoạt trong số lượng xung quy định sau khi động cơ kéo dây cua roa của bộ tách giấy đầu ra khởi động và sau hai lần kiểm tra liên tiếp.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi sensor vị trí ban đầu. 2. Lỗi kết nối. 3. Lỗi động cơ tách bộ đầu ra. 4. Lỗi bảng chính của Finisher. 5. Động cơ bị quá tải.
726	B	Lỗi của động cơ nâng khay của Finisher.
	Sensor chiều cao của giấy trong khay không kích hoạt trong khoảng thời gian qui định sau khi động cơ nâng khay khởi động. Hoặc sensor vẫn còn ON khi động cơ đã hạ khay xuống.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của sensor chiều cao giấy. 2. Sensor bị đứt dây hoặc không kết nối. 3. Lỗi của động cơ nâng khay. 4. Lỗi bảng chính của Finisher. 5. Động cơ nâng khay bị quá tải.
727	B	Lỗi của động cơ quay bộ Bấm ghim của Finisher.
	Động cơ bộ đập ghim ON nhưng không đưa được bộ đập ghim về vị trí ban đầu trong số lượng xung qui định . Sau hai lần đếm máy sẽ báo SC.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của động cơ quay bộ bấm ghim. 2. Động cơ quay bộ bấm ghim kết nối kém. 3. Lỗi sensor quay bộ bấm ghim. 4. Lỗi bảng chính của Finisher. 5. Động cơ quay bộ bấm ghim quá tải.

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hỏng hóc.
729	B	Lỗi động cơ đục lỗ của Finisher.
	Sensor vị trí ban đầu của bộ đục lỗ không kích hoạt trong khoảng thời gian qui định sau khi động cơ đục lỗ ON.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi sensor vị trí đầu của bộ đục lỗ. 2. Sensor không kết nối. 3. Lỗi động cơ đục lỗ. 4. Lỗi bảng chính của Finisher. 5. Động cơ bị quá tải.
730	B	Lỗi động cơ di chuyển bộ bấm ghim của Finisher.
	Sensor vị trí ban đầu của bộ bấm ghim kích hoạt trong khoảng thời gian quy định sau khi động cơ di chuyển bộ bấm ghim ON và trong khoảng di chuyển bộ bấm ghim về vị trí ban đầu. sau hai lần kiểm tra máy sẽ báo SC.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi HP sensor. 2. Lỗi kết nối của sensor. 3. Lỗi của động cơ di chuyển bộ bấm ghim. 4. Lỗi bảng chính của Finisher. 5. Động cơ quá tải.
732	C	Lỗi của động cơ quay thay đổi vị trí trục.
	Sensor HP của trục thay đổi vị trí không kích hoạt trong khoảng thời gian qui định sau khi động cơ thay đổi vị trí trục khởi động. Sau 2 lần kiểm tra máy sẽ báo SC.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi Sensor HP của trục thay đổi vị trí. 2. Sensor HP không kết nối. 3. Động cơ thay đổi vị trí trục lỗi. 4. Bảng chính của Finisher lỗi. 5. Động cơ di chuyển trục quá tải.
733	C	Lỗi của động cơ nâng hạ khay finisher.
	Sau khi động cơ nâng khay ON , khay được nâng lên sensor 2 nhận chiều cao của giấy tách không nhận được giấy hoặc khi động cơ hạ khay xuống sensor 1 nhận chiều cao của giấy không thay đổi trạng thái. Kiểm tra như vậy 2 lần máy sẽ báo SC.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi của sensor 1,2. 2. Lỗi kết nối của các sensor. 3. Lỗi của động cơ nâng khay. 4. Lỗi bảng chính của finisher. 5. Động cơ nâng khay quá tải.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
735	B	Lỗi của động cơ trước vị trí tách.
	<p>* Động cơ trước vị trí tách khởi động nhưng nó không trở về vị trí ban đầu trong 400 xung. Sau 2 lần đếm máy sẽ báo SC.</p> <p>* Động cơ không về vị trí ban đầu trong khoảng 280 xung trực tiếp . Sau khi đếm 2 lần máy báo SC.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sensor HP của vỏ giấy lỗi. 2. Sensor không kết nối. 3. Lỗi của động cơ trước tách bộ. 4. Lỗi bảng chính của Finisher. 5. Động cơ bị quá tải.
736	B	Lỗi của động cơ đường dẫn giấy đầu ra finisher.
		<p>Động cơ điều khiển đường dẫn giấy đầu ra khởi động nhưng sensor vị trí đường dẫn không được kích hoạt trong 750ms . Sau 2 lần đếm máy sẽ báo SC.</p>
737	B	Hộp đựng phoi giấy và ghim thái đầy.
		<p>Hộp đựng phoi giấy đục lỗ và ghim thái đầy.</p>
738	B	Lỗi động cơ điều khiển tấm ép của finisher.
		<p>Động cơ điều khiển tấm ép khởi động nhưng nó không về vị trí ban đầu trong khoảng thời gian nhất định. máy sẽ kiểm tra 2 lần liên tiếp.</p>
739	B	Lỗi của động cơ điều khiển tấm gập giấy.
		<p>Động cơ điều khiển tấm gập giấy khởi động nhưng nó không về vị trí ban đầu trong khoảng thời gian qui định cho 2 lần kiểm tra liên tiếp.</p>

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
740	B	Lỗi của động cơ bấm ghim gáy sách phía ngoài.
	Lỗi của động cơ bấm ghim gáy sách phía ngoài khởi động tới 450ms sau 2 lần máy báo lỗi.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi kết nối của bộ dây ở finisher. 2. Lỗi động cơ bấm ghim. 3. Lỗi bảng chính Finisher. 4. Động cơ bị quá tải.
741	B	Lỗi của động cơ bấm ghim gáy sách phía trong.
	Lỗi của động cơ bấm ghim gáy sách phía trong khởi động tới 450ms sau 2 lần máy báo lỗi.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi kết nối của bộ dây ở finisher. 2. Lỗi động cơ bấm ghim. 3. Lỗi bảng chính Finisher. 4. Động cơ bị quá tải.
742	B	Lỗi của động cơ điều khiển chặn cạnh giấy Finisher
	Động cơ chặn cạnh giấy ON trong 350ms mà cái chặn cạnh giấy không về vị trí ban đầu. Đếm hai lần liên tiếp.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi kết nối của bộ dây ở finisher. 2. Lỗi động cơ chặn cạnh giấy. 3. Lỗi bảng chính Finisher. 4. Động cơ bị quá tải. 5. Lỗi của sensor HP chặn giấy.
750	B	Lỗi của động cơ nâng khay chèn bìa Finisher.
	<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ nâng khay bìa ON , khay nâng lên nhưng sensor vị trí nâng không nhận được khay trong 3s. - Động cơ nâng khay quay ngược hạ khay xuống nhưng sensor HP không nhận được khay trong 3s. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi sensor vị trí trên . 2. Lỗi của sensor HP. 3. Lỗi của động cơ nâng khay . 4. Lỗi bảng chính của khay chèn bìa. 5. Lỗi kết nối của khay bìa.

1.7. Lỗi toàn bộ hệ thống chung :

SC No	Nội dung lỗi	Khả năng hỏng hóc.
800	B	Truyền tín hiệu video đầu ra không đạt kết quả (K).
		Tín hiệu video của các bộ đầu cuối gửi tới bộ điều khiển nhưng không có lệnh ở bộ tiếp nhận trong khoảng thời gian qui định cho sự truyền tín hiệu từ đầu cuối về bộ điều khiển - Đầu ra đen tuyền. Lỗi ở bảng Controller.
804	B	Truyền tín hiệu video đầu vào không đạt kết quả (K).
		Tín hiệu video hỏi từ bộ scan gửi nhưng không được xác nhận ở bộ điều khiển trong thời gian qui định gửi tín hiệu trả lời từ bộ điều khiển về bộ scan - Đầu ra đen tuyền. Lỗi của bảng Controller.
818	B	Lỗi về thời gian.
		Lỗi điều khiển. 1. Lỗi chương trình của hệ thống. 2. Lỗi của bảng Controller. 3. Lỗi của các bảng chính các bộ chọn thêm.
819	B	Lỗi của phần mềm.
		Lỗi phần mềm. Lỗi phần mềm điều khiển.
820	B	Lỗi của mã chuẩn đoán : CPU
		Lỗi bên ngoài ngẫu nhiên hoặc sự cố xảy ra không thường xuyên. 1. Lỗi của bảng CONTROLLER. 2. Lỗi phần mềm.
821	B	Lỗi mã chuẩn đoán : ASIC
		Lỗi xảy ra không thường xuyên. Lỗi của bảng CONTROLLER.
822	B	Lỗi mã chuẩn đoán : HDD.
		Thực hiện việc kiểm tra sự lắp ráp HDD : - HDD báo bận hơn 30s. - sau khi cài đặt phần mềm 1. Lỗi HDD. 2. Lỗi kết nối của HDD. 3. Lỗi bảng CONTROLLER.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	cho HDD vẫn báo bận hơn 6s. - sau khi lệnh tới ổ cứng máy vẫn báo lỗi.	
823	B	Lỗi mã chuẩn đoán : NIB
	Các địa chỉ trong các bộ nhớ không trùng khớp với nhau.	1. Lỗi của bảng NIB. 2. Lỗi của Bảng Controller.
824	B	Lỗi mã chuẩn đoán : NVRAM.
	- Không nhận dạng bộ nhớ NVRAM. - Bộ nhớ NVRAM hỏng.	1. Lỗi NVRAM. 2. Lỗi bảng Controller.
825	B	Lỗi mã chuẩn đoán : NVRAM (Option).
	Lắp NVRAM (option) nhưng đọc/kiểm tra xuất hiện lỗi.	Lắp NVRAM sai.
826	B	Lỗi mã chuẩn đoán : NVRAM (Option).
	Tiêu chuẩn để đánh giá RTC trong NVRAM kiểm tra trạng thái của nó trong 1sec. Nếu sau 1sec mà CPU thoát ra khỏi dải kiểm tra hoặc không nhận thấy có NVRAM máy sẽ báo lỗi.	1. Lỗi NVRAM. 2. Lỗi Lắp sai NVRAM.
827	B	Lỗi mã chuẩn đoán : RAM.
	Khi kiểm tra Viết/kiểm tra của RAM gắn trên khung của bảng kết quả bị lỗi.	1. Lỗi bảng Controller. 2. Lỗi RAM.
828	B	Lỗi mã chuẩn đoán : ROM.
	Khi thực hiện chương trình của hệ thống và khởi động chương trình giám sát CRC kết quả báo lỗi. Khi kiểm tra tham số CRC của ROM báo lỗi.	1. Lỗi phần mềm. 2. Lỗi ROM. 3. Lỗi Bảng Controller.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
829	B	Lỗi mã chuẩn đoán : RAM (option).
		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra sự viết/xác nhận RAM - báo lỗi. - Tham số SPD của RAM DIM không chính xác hoặc không đọc.
835	B	Cổng in Centronic.
		<ul style="list-style-type: none"> - Dùng tín hiệu vòng ngược trở lại để kiểm tra kết nối, khi kiểm tra lỗi xuất hiện. - Dùng tín vòng ngược trở lại để kiểm tra tham số PDA, Máy báo lỗi. - Cổng in Centronic không in test được.
836	B	Lỗi chuẩn đoán : ROM phong chữ.
		Tham số trong ROM lỗi.
837	B	Lỗi chuẩn đoán : ROM phong chữ (option).
		Tham số trong ROM lỗi.
838	B	Lỗi chuẩn đoán : Bộ tạo xung khoá.
		Tham số điều chỉnh đọc từ bộ tạo xung khoá qua đường I2C không đúng với tham số qui định.
850	B	Lỗi kết nối mạng (I/F) .
		<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ IP bị trùng lặp. - Địa chỉ IP không hợp lệ. - Phần mềm điều khiển bị thay đổi và không sử dụng được trong mạng.
851	B	Lỗi IEEE1394 I/F.
		Cài phần mềm điều khiển sai và phần mềm không sử dụng được IEEE1394I/F.
		Phần mềm điều khiển USB bị thay đổi hoặc không dùng cho USB I/F.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
860	B	Lỗi khởi động ổ cứng khi
		Bật công tắc nguồn. 1. Không lắp HDD. 2. Mức tham số sai lệch. 3. Lỗi HDD.
861	C	Lỗi khởi động lại HDD.
		Khi bật công tắc nguồn nhận dạng được HDD . nguồn cung cấp tới HDD tạm dừng , sau khi thoát ra khỏi chế độ ngủ HDD không đọc lại được trong 30 sec. 1. Dây nối giữa HDD và bảng không chắc chắn. 2. Dây nối nguồn cho HDD đứt. 3. Lỗi HDD. 4. Lỗi bảng Controller.
862	A	Số lỗi của đĩa cứng vượt
		quá giá trị lớn nhất cho phép. Số lỗi của đĩa cứng vượt quá 101 lỗi trong vùng ảnh. 1.Thực hiện SP5832 001 format HDD để thay các lỗi trên đĩa cứng. 2. Thay HDD.
863	C	Lỗi khi HDD đọc tham số.
		Tham số được viết vào HDD nhưng khi đọc không bình thường. Lỗi HDD.
864	B	Lỗi tham số CRC của
		HDD. Trong thời gian HDD đọc tham số , HDD không có tín hiệu trả lời tới CRC. Xuất hiện lỗi. Lỗi HDD.
865	B	Lỗi kích hoạt HDD.
		Lỗi không có tín hiệu trả lời khi HDD kích hoạt , nhưng trạng thái khác với SC863, SC864. Lỗi HDD.

1.8. Những lỗi khác :

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
900	A	Lỗi bộ đếm tổng điện tử
		Bộ đếm tổng không tăng số . Lỗi NVRAM.
901	C	Lỗi bộ đếm tổng cơ khí.
		Bộ đếm tổng cơ khí không kết nối. 1. Lỗi bộ đếm cơ khí. 2. Lỗi kết nối của bộ đếm cơ khí.
951	C	Lỗi tín hiệu F-GATE
		IPU đã nhận được tín hiệu F-GATE (Tín hiệu khởi động bộ in laser), tiếp theo IPU lại nhận được tín hiệu F-GATE một lần nữa. 1. Lỗi phần mềm. 2. Lỗi BCU.
953	C	Lỗi khi điều chỉnh hình ảnh scan .
		Cài đặt chỉnh sửa hình ảnh của bộ scan nhưng không gửi được từ IPU. Lỗi phần mềm.
954	C	Lỗi cài đặt in ảnh.
		Cài đặt chỉnh sửa hình ảnh ở bảng điều khiển in nhưng không gửi được từ IPU. Lỗi phần mềm.
955	C	Lỗi cài đặt bộ nhớ.
		Cài đặt chỉnh sửa hình ảnh ở bộ nhớ nhưng không gửi được từ IPU. Lỗi phần mềm.
964	C	Lỗi sẵn sàng in.
		Tín hiệu sẵn sàng in không phát ra trong 17sec sau khi IPU nhận được lệnh khởi động bộ in. Lỗi phần mềm.
984	B	Lỗi khi truyền tham số in ảnh .
		Sau khi tham số được truyền bắt đầu từ Controller đến máy thông qua giao diện PCL. Sự truyền tham số này không 1. Lỗi bảng Controller. 2. Lỗi bảng BICU. 3. Không kết nối giữa BICU và Controller.

<i>SC No</i>	<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
	kết thúc trong khoảng 15 sec.	
985	B	Lỗi khi truyền tham số ảnh Scanner.
	Sau khi tham số được truyền bắt đầu từ máy đến Controller thông qua giao diện PCL. Sự truyền tham số này không kết thúc trong khoảng 3 sec.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi bảng Controller. 2. Lỗi bảng BICU. 3. Không kết nối giữa BICU và Controller.
986	C	Giá trị cài đặt cho phần mềm viết sai thông số.
	Tham số viết được chấp nhận ở modul viết lúc bắt đầu cài đặt tham số ở bảng NULL.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi bảng Controller. 2. Lỗi bảng BICU. 3. Không kết nối giữa BICU và Controller.
990	B	Lỗi khi thực hiện phần mềm.
	Khi thực hiện phần mềm của chức năng nào đó nhưng chương trình này không thực hiện được.	Lỗi phần mềm.
991	D	Không thực hiện được khả năng mạch vòng của phần mềm
	Khi thực hiện phần mềm của chức năng nào đó nhưng chương trình này không thực hiện được.	Lỗi phần mềm.
997	B	Không nhận được chức năng ứng dụng.
	Chức năng ứng dụng không khởi động khi nhấn các phím chức trên bàn phím điều khiển.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi phần mềm. 2. ARAM hoặc DIMM chọn thêm không cài đặt được hoặc máy không nhận.
998	B	Không khởi động được tính năng ứng dụng.
	Khi các chức năng trong danh sách máy không khởi động trong 60s sau khi bật công tắc nguồn của máy. Các tính năng không khởi động máy báo lỗi.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi phần mềm. 2. ARAM hoặc DIMM chọn thêm không cài đặt được hoặc máy không nhận.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

<i>SC No</i>		<i>Nội dung lỗi</i>	<i>Khả năng hỏng hóc.</i>
999	B	Lỗi khi download	chương trình.
		Chương trình download từ IC card thực hiện không bình thường.	1. Card cài đặt sai. 2. Lỗi BICU. 3. Lỗi IC card. 4. Lỗi NVRAM. 5. Tắt nguồn khi đang download.

2. Lỗi của phần in trong báo cáo SMC :

SC No.		Symptom	Possible Cause
820	0001	TLB conversion (store) exception error	Unexpected error in CPU device: <ul style="list-style-type: none"> • Controller board defective • Boot monitor or self-diagnostic program corrupted
820	0002	TLB miss (load) exception error	
820	0003	TLB miss (store) exception error	
820	0004	Read address exception error	
820	0005	Write address exception error	
820	0006	Command bus exception error	
820	0007	Data bus exception error	
820	0008	System call exception error	
820	0009	Break exception error	
820	000A	Illegal command exception error	
820	000B	Potential sensor exception error	
820	000C	Overflow exception error	
820	000D	UTLB miss exception error	
820	0010	Allocation 0 error	
820	0011	Allocation 1 error	
820	0012	Allocation 2 error	
820	0013	Allocation 3 error	
820	0014	Allocation 4 error	
820	0015	Allocation 5 error	
820	00FF	Non-initialization allocation error	<ul style="list-style-type: none"> • CPU defective • Local bus defective • Controller board defective
820	0601	Read address exception error	<ul style="list-style-type: none"> • CPU device error • Controller board defective
820	0602	Write address exception error	
820	0605	System call exception error	
820	0606	Break point exception error	
820	0607	Illegal command exception error	
820	060A	Allocation 0 mask exception error	<ul style="list-style-type: none"> • CPU device error • ASIC device error • Controller board defective
820	060B	Allocation 1 mask exception error	
820	060C	Allocation 2 mask exception error	
820	060D	Allocation 3 mask exception error	
820	060E	Allocation 4 mask exception error	
820	0610	CPU timer 2 allocation set error	<ul style="list-style-type: none"> • CPU device error • Controller board defective
820	0612	ASIC allocation error	<ul style="list-style-type: none"> • ASIC device error • Controller board defective • Peripheral device defective
820	06FF	CPU master clock error	<ul style="list-style-type: none"> • CPU device error • Error in CPU initialization data (ASIC error) • Controller board defective

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SC No.		Symptom	Possible Cause
820	0702	Command cache error	<ul style="list-style-type: none"> • CPU cache defective • Controller board defective • Memory error (insufficient speed)
820	0709	Data cache error	<ul style="list-style-type: none"> • CPU device error • Boot mode setting for CPU error • Controller defective • Insufficient memory
820	070A	Data cache clear error	
820	0801	TLB virtual address error	
820	0804	TLB global error	<ul style="list-style-type: none"> • CPU device defective (controller board defective)
820	0807	UTLB miss error	
820	0808	TLB read miss error	
820	0809	TLB write miss error	
820	080A	TLB mode file error	
820	4002	Single-precision calculation error	
820	4003	Double-precision calculation error	
820	4004	Exception error	
820	4005	Exception mask error	
822	3003	HDD timeout	<ul style="list-style-type: none"> • HDD defective • HDD connector disconnected, defective • ASIC device error (controller board defective)
822	3004	Self-diagnostic command error	<ul style="list-style-type: none"> • HDD defective
823	6101	MAC address SUM error	<ul style="list-style-type: none"> • NIB (PHY) board defective • Controller board defective
823	6104	PHY chip ID illegal	
823	6105	PHY loopback error	
824	1401	NVRAM verify error	<ul style="list-style-type: none"> • NVRAM defective
826	1501	Clock error	<ul style="list-style-type: none"> • Optional NVRAM defective
826	15FF	RTC non-detection error	<ul style="list-style-type: none"> • Incompatible NVRAM installed • NVRAM battery defective
826	0201	Resident memory verify error	<ul style="list-style-type: none"> • Memory on controller board defective • RAM DIMM defective
828	0101	Boost trap code (CODE) error	<ul style="list-style-type: none"> • Software storage error (re-install software) • Controller board defective
828	0104	ROM FS error	<ul style="list-style-type: none"> • ROM device error
828	0105	Forgery prevention error	<ul style="list-style-type: none"> • Forgery prevention chip defective • Forgery prevention chip error • Replace the controller, ROM, or RAM DIMM
829	0301	Option memory 0 verify error	<ul style="list-style-type: none"> • Controller board internal memory error • RAM DIMM defective
829	0302	Option memory 0 configuration information error	
835	1102	Verify error	<ul style="list-style-type: none"> • Loopback connector error (controller board defective)
835	110C	DMA verify error	<ul style="list-style-type: none"> • Loopback connector error • Controller board defective
835	1120	Loopback connector non-detection	<ul style="list-style-type: none"> • Loopback connector not set • Loopback connector error • Controller board defective
836	1601	Font ROM 0 error	
837	1602	Font ROM 1 error	
838	2701	Verify error	

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

3. Tính năng của các cầu trì :



Cầu trì	Phân loại điện áp		Triệu chứng khi bật nguồn.
	115v	230v	
FU1	2A/125V	6.3V/250V	Bộ sấy chống ẩm không hoạt động.
FU101	12A/125V	6.3A/250V	Không phản ứng gì.
FU103	6.3A/125v	6.3A/250v	Hiển thị lỗi SC510.
FU104	6.3A/125v	6.3A/250v	Không hiển thị màn LCD.
FU105	6.3A/125v	6.3A/250v	Hiển thị tín hiệu mở cửa.
FU106	6.3A/125v	6.3A/250v	ADF không hoạt động.
FU107	6.3A/125v	6.3A/250v	Hiển thị SC121.
FU108	6.3A/125v	6.3A/250v	Finisher không hoạt động.
FU109	6.3A/125v	6.3A/250v	Hiển thị tín hiệu mở cửa.
FU110	6.3A/125v	6.3A/250v	Hiển thị SC510.
FU111	6.3A/125v	6.3A/250v	Không hiển thị màn LCD.

Phần II.

PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ HIỆU CHỈNH MÁY.

2.1. Kiểm tra máy :

2.1.1. Phương pháp vào SPmode và thoát khỏi chương trình SP mode :

1. Bấm vào phím "Clear mode" .
2. Lần lượt bấm các phím số ①②⑦.
3. Bấm và giữ phím "Clear / Stop"  khoảng 3 sec.
Hiện thị trên mặt màn hình "Copy SP" hoặc "PM Counter". Nếu máy có lắp bộ chọn thêm Scanner/ printer máy sẽ hiện thị thêm "Scanner SP" và "Printer SP".
4. Nhấn vào "Copy SP".
5. Để thoát khỏi chương trình "SP mode" bấm vào phím "Exit" nằm ở góc cao bên phải của màn hiển thị LCD.

2.1.2. Chuyển sang chế độ "Copy Window" cho bản in test :

1. Vào chương trình SPmode , bấm vào copy window (copier mode) để chuyển màn hiển thị sang màn hình copy , chọn khổ giấy cho bản in test.
2. Khi sử dụng Copy window (copier mode) phải lựa chọn các chế độ thích hợp cho bản test (như chọn khổ giấy , thu phóng ...v.v).
3. Nhấn phím "Start" để in bản test.
4. Bấm vào SP mode để màn hình trở về màn hiển thị của bước 1.


2.1.3. Cách sử dụng SP mode :

Có thể thực hiện vào SP mode bằng 2 cách : Phương pháp trực tiếp và phương pháp qua Menual.

1. Phương pháp trực tiếp :

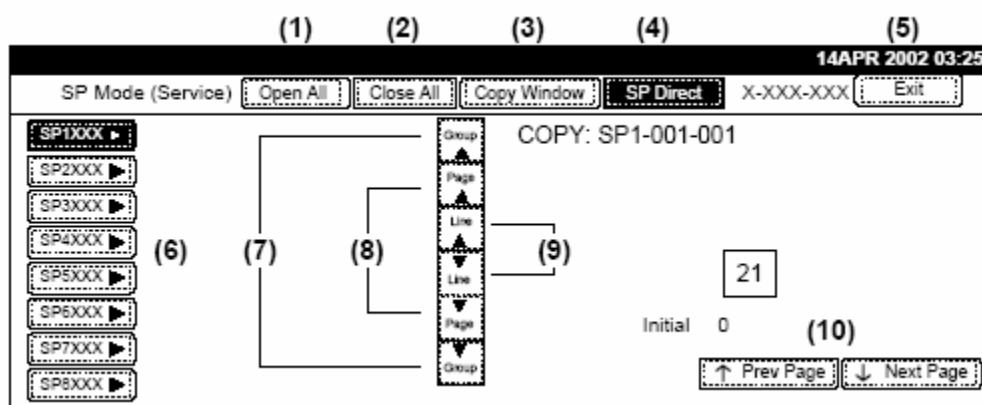
1. Giả sử vào mã SP 5831 để cài đặt điều chỉnh.
2. Thực hiện các thao tác vào SP mode .
3. Dùng phím số bấm lần lượt các phím : ⑤⑧③①.
4. Bấm phím #.
5. Dùng phím "Execute" hiển thị trên màn hình để chọn các ký tự tiếp sau. Sau đó bấm # , là điều chỉnh được tham số. Sau khi điều chỉnh xong phải nhấn phím # (Enter) để nhớ tham số mới.

2. Phương pháp tìm mã qua danh mục :

1. Vào SP mode , muốn chọn được mã điều chỉnh cần phải thực hiện như các bước sau.
2. Nhấn vào nhóm số mã nằm ở cạnh bên trái của màn hiển thị SP mode.
3. Dùng phím mũi tên ở giữa màn hiển thị để chọn các dãy số còn lại , khi chọn được mã mong muốn bấm luôn vào ô dãy số đó trong bảng danh mục.
4. Bấm phím # (Enter) màn hiển thị sẽ hiển thị tham số mặc định của mã hoặc tham số đã cài đặt lần trước.
5. Thực hiện điều chỉnh :
 - Dùng phím  để chọn dấu (-) hoặc (+). Sau đó dùng phím số trên mặt bàn điều khiển để điều chỉnh tham số.
 - Sau khi điều chỉnh bấm phím (#).
 - Bấm phím "Yes" để xác nhận và nhớ tham số mới.
6. Sau điều chỉnh cần phải in bản test , Bằng cách nhấn vào COPY MODE và lựa chọn cài đặt cho bản test , nhấn phím START để thực hiện in.
7. Kết thúc quá trình điều chỉnh nhấn phím "EXIT".

3. Tóm tắt chức năng của các phím bấm trên LCD :

Màn hình cơ bản của SP mode : Hình 1.



Hình 1.

- (1) : Open All : Phím mở tất cả các nhóm của SP mode.
- (2) : Close All : Phím đóng các nhóm của SP mode.

- (3) : Copy window : mở copy mode.
- (4) : SP Direct : Vào mã trực tiếp.
- (5) : Exit : Phím thoát ra khỏi chương trình SPmode.
- (6) : SPn xxx : Phương pháp vào mã theo nhóm.
- (7) : Group : Dùng phím mũi tên để tìm nhóm.
- (8) : Page : Trang trên mà hiển thị LCD , sang trang bằng phím Next hoặc Previous.
- (9) : Line : Dùng phím Next và Previous để chuyển từng dòng.
- (10) : Prev Page hoặc Next Page : Để dịch chuyển trang hoặc dòng.

2.1.4. Kiểm tra các tín hiệu đầu vào (input check) : SP5803.

Kiểm tra tín hiệu đầu vào là kiểm tra các sensor và các đồng bộ khác của máy. Sau khi chọn đối tượng kiểm tra ta sẽ theo bảng số nhỏ 8-bit , các số của bit là 0 hoặc 1, số bit từ 0 đến 7 và đọc từ phải sang trái.

1. Vào SPmode và chọn mã SP5803.
2. Vào các số từ 1 đến 18 để chọn mục kiểm tra mong muốn, bảng nhỏ hiển thị trên màn hiển thị LCD bao gồm dãy số 0 và 1.

Bit	7 6 5 4 3 2 1 0
Setting	1 1 0 0 1 0 1 0

3. Khi kích hoạt kiểm tra , mỗi đối tượng kiểm tra số ngược với số hiển thị ban đầu của bảng.

1. Bộ kéo giấy (khay trên).			
<i>Bit</i>	<i>Đối tượng kiểm tra</i>	<i>Đọc</i>	
		0	1
7	Sensor đầu ra sấy.	có giấy	không giấy
6	Sensor đọc đuôi giấy 2 - khi kéo tờ 1.	có giấy	không giấy
5	Sensor đọc đuôi giấy 1 - khi kéo tờ 1.	có giấy	không giấy
4	Không sử dụng	-	-
3	Sensor khổ giấy 4 - kéo tờ thứ nhất .	Tác động	Không TĐ
2	Sensor khổ giấy 3 - kéo tờ thứ nhất .	Tác động	Không TĐ
1	Sensor khổ giấy 2 - kéo tờ thứ nhất .	Tác động	Không TĐ
0	Sensor khổ giấy 1 - kéo tờ thứ nhất .	Tác động	Không TĐ

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

2. Bộ kéo giấy (khay dưới).			
<i>Bit</i>	<i>Đối tượng kiểm tra</i>	<i>Đọc</i>	
		0	1
7	Sensor đầu ra sấy.	có giấy	không giấy
6	Sensor2 báo gần hết giấy- kéo tờ 1.	có giấy	không giấy
5	Sensor 1 báo gần hết giấy - kéo tờ 1.	có giấy	không giấy
4	Không sử dụng	-	-
3	Sensor khổ giấy 4 - kéo tờ thứ nhất .	Tác động	Không TĐ
2	Sensor khổ giấy 3 - kéo tờ thứ nhất .	Tác động	Không TĐ
1	Sensor khổ giấy 2 - kéo tờ thứ nhất .	Tác động	Không TĐ
0	Sensor khổ giấy 1 - kéo tờ thứ nhất .	Tác động	Không TĐ

3. Sensor chờ và các tín hiệu khác.			
<i>Bit</i>	<i>Đối tượng kiểm tra</i>	<i>Đọc</i>	
		0	1
7	Tín hiệu "0"	Có	không
6	Sensor vị trí đầu của khối belt.	không TĐ	Tác động
5	Tín hiệu khoá quạt hút gió.	không khoá	Khoá
4	Tín hiệu khoá quạt làm mát PCB	không khoá	Khoá
3	Tín hiệu khoá động cơ chính.	không khoá	Khoá
2	Sensor báo mực thải đầy.	Không đầy	Đầy
1	Công tắc cửa trước.	Đóng cửa	Mở cửa
0	Sensor trực chờ	Có giấy	Không giấy

4. Kéo giấy khay tay.			
<i>Bit</i>	<i>Đối tượng kiểm tra</i>	<i>Đọc</i>	
		0	1
7	Cửa duplex/bộ đảo.	Đóng cửa	Mở cửa.
6	Sensor báo hết giấy	Có giấy	Không giấy
5	Không sử dụng	-	-
4	Sensor khổ giấy 4 - Khay tay.	Tác động	ko tác động
3	Sensor khổ giấy 3 - Khay tay.	Tác động	ko tác động
2	Sensor khổ giấy 2 - Khay tay.	Tác động	ko tác động
1	Sensor khổ giấy 1 - Khay tay.	Tác động	ko tác động

0	Sensor nhận khay tay.	Có	Không
---	-----------------------	----	-------

5. Khối chuyển tiếp - chỉ sử dụng ở nhật.

Bit	Đối tượng kiểm tra	Đọc	
		0	1
7	Không dùng	-	-
6	Tín hiệu nhận khối	Kết nối	Ko kết nối
5	Sensor báo giấy.	Có giấy	Ko giấy.
4	Sensor thời gian.	Có giấy	Ko giấy.
3	Sensor đầu ra.	Có giấy	Ko giấy.
2	Sensor cửa bên trái.	Đóng cửa	Mở cửa.
1	Sensor cửa giữa.	Đóng cửa	Mở cửa.
0	Sensor cửa bên phải.	Đóng cửa	Mở cửa.

6. Nhận dạng các khối khác.

Bit	Đối tượng kiểm tra	Đọc	
		0	1
7	Tín hiệu khoá động cơ kéo giấy.	không	Có
6	Tín hiệu F-Gate	Kích hoạt	Ko kích hoạt
5	Sensor chiều cao.	Kéo giấy cao	Ko kéo giấy cao.
4	Sensor đầu ra giấy.	Có giấy	Ko Giấy
3	Sensor đầu ra khối sấy.	Có giấy	Ko có giấy
2	Bộ đếm tổng.	Ko có	Có bộ đếm.
1	Bộ khoá đếm.	Nhìn thấy bộ khoá	Ko nhìn thấy bộ khoá.
0	Bộ khoá thẻ	Nhìn thấy khoá thẻ	Ko nhìn thấy bộ khoá thẻ

7. Hết giấy.			
<i>Bit</i>	<i>Đối tượng kiểm tra</i>	<i>Đọc</i>	
		0	1
7	Cửa phía trước.	Mở	Đóng
6	Đường kéo giấy dọc	Xoá	Ko xoá
5	Sensor hạn chế trên khay 2	Không có	Có
4	Sensor hạn chế trên khay 1	Không có	Có
3	Sensor đường truyền 2	Có giấy	Ko có giấy
2	Sensor đường truyền 1	Có giấy	Ko có giấy
1	Sensor báo hết giấy 2	Ko có giấy	Có giấy
0	Sensor báo hết giấy 1	Ko có giấy	Có giấy

8. DIP SW			
<i>Bit</i>	<i>Đối tượng kiểm tra</i>	<i>Đọc</i>	
		0	1
7	Công tắc số 8	ON	OFF
6	Công tắc số 7	ON	OFF
5	Công tắc số 6	ON	OFF
4	Công tắc số 5	ON	OFF
3	Công tắc số 4	ON	OFF
2	Công tắc số 3	ON	OFF
1	Công tắc số 2	ON	OFF
0	Công tắc số 1	ON	OFF

9. Duplex.			
<i>Bit</i>	<i>Đối tượng kiểm tra</i>	<i>Đọc</i>	
		0	1
7	Ko sử dụng	-	-
6	Mở cửa bên phải.	ON	OFF
5	Chỉ sử dụng ở Nhật.	ON	OFF
4	Sensor HP của LD.	ON	OFF
3	Nhận thấy giấy kẹt ở đầu ra duplex.	ON	OFF
2	Nhận thấy giấy kẹt ở đường vào	ON	OFF

	duplex.		
1	Giấy còn trong duplex.	ON	OFF
0	Mở khối duplex.	ON	OFF

10. Giấy còn lại.

Bit	Đối tượng kiểm tra	Đọc	
		0	1
7	Khay 4 : Bit 1.	Xem ở bảng dưới đây	
6	Khay 4 : Bit 0.		
5	Khay 3 : Bit 1.		
4	Khay 3 : Bit 0.		
3	Khay 2 : Bit 1.		
2	Khay 2 : Bit 0.		
1	Khay 1 : Bit 1.		
0	Khay 1 : Bit 0.		

Bit 1	Bit 0	Lượng giấy.
1	1	Đầy giấy.
1	0	Còn 50%
0	1	Còn 10%.
0	0	Hết giấy.

10. Giấy còn lại , liên tiếp.

Bit	Đối tượng kiểm tra	Đọc	
		0	1
7	Khay tay.	Có giấy	Ko giấy
6	-	-	-
5	-	-	-
4	-	-	-
3	-	-	-
2	LCT - Bit 2	Xem ở bảng dưới đây	
1	LCT - Bit 1		
0	LCT - Bit 0		

Bit 2	Bit 1	Bit 0	Lượng giấy còn lại
1	1	1	Đầy giấy.
1	0	0	Còn lại 80%.
0	1	1	Còn lại 50%.
0	1	0	Còn lại 30%.
0	0	0	Còn lại 10%.

12. Khay đầu ra đầy giấy.

Bit	Đối tượng kiểm tra	Đọc	
		0	1
7	Mailbox, bin 9.	không đầy, không khay	Đầy
6	Mailbox, bin 8.	không đầy, không khay	Đầy
5	Bộ đóng sách Finisher	-	-
4	Khay ra 2 - Finisher,	không đầy, không khay	Đầy
3	Khay ra 1 - Finisher,	không đầy, không khay	Đầy
2	Khay chèn bìa Finisher	-	-
1	Đầu ra 1- bin(japan)	không đầy, không khay	Đầy
0	Khay ra của máy	không đầy, không khay	Đầy

13. Khay đầu ra đầy giấy, liên tiếp.

Bit	Đối tượng kiểm tra	Đọc	
		0	1
7	Mailbox, bin 7.	không đầy, không khay	Đầy
6	Mailbox, bin 6.	không đầy, không khay	Đầy
5	Mailbox, bin 5.	-	-
4	Mailbox, bin 4.	không đầy, không khay	Đầy

		khay	
3	Mailbox, bin 3.	không đầy, không khay	Đầy
2	Mailbox, bin 2.	không đầy, không khay	Đầy
1	Mailbox, bin 1.	không đầy, không khay	Đầy
0	Mailbox, khay chèn bìa.	không đầy, không khay	Đầy

2.1.5. Kiểm tra tín hiệu đầu ra (Output check) : SP5804.

1. Thực hiện các thao tác vào SP5804.
2. Chọn đối tượng cần kiểm tra theo bảng dưới đây.
3. Nhấn phím ON và OFF để kiểm tra .

No	Đối tượng kiểm tra.
1	Động cơ kéo giấy khay 1.
2	Không sử dụng.
3	Động cơ kéo giấy khay 2.
4	Động cơ kéo giấy khay 3.
5	Khớp ma sát kéo giấy khay tay.
6	Động cơ kéo giấy khay LCT.
9	Rơ le Pick- up khay 1.
10	không sử dụng.
11	Rơ le Pick- up khay 2.
12	Rơ le Pick- up khay 3.
13	Rơ le Pick- up khay tay.
14	Rơ le Pick- up khay LCT.
17	Rơ le của rulô nhằm giấy khay 1.
18	Không sử dụng.
19	Rơ le của rulô nhằm giấy khay 2.
20	Rơ le của rulô nhằm giấy khay 3.
22	Rơ le khoá khay kép bên phải.

No	Đối tượng kiểm tra.
23	Rơ le khoá khay kép bên trái.
24	Động cơ chặn đuôi.
25	không sử dụng.
27	Động cơ trung gian phía dưới.
28	Động cơ trống.
31	Động cơ Đầu ra/ Sấy.
39	Động cơ trục chờ.
40	Rơ le điều khiển đường dẫn giấy.
41	Rơle điều khiển đường dẫn đầu ra.
43	Động cơ đảo mặt duplex.
44	Động cơ tải giấy duplex.
45	Rơle điều khiển đường dẫn duplex.
46	Rơle của trục đảo chiều ngược .
47	Khớp ma sát tải giấy duplex.
52	Khớp ma sát cấp mực.
53	Động cơ quay trục từ.
54	Động cơ thu hồi mực.
55	Động cơ giấy lau.
56	Động cơ cấp mực.
57	Rơ le nâng belt cao áp.
62	Đèn xoá trắng.
63	Cao áp sặc.
64	Cao áp lưới.
67	Thiên áp trục từ.
69	Cao áp tách mực.
70	ID sensor.
72	Đèn quét.
74	Quạt thông gió khối từ.
75	Quạt thông gió duplex.
76	Động cơ quạt thổi gió.
77	Quạt làm mát bảng nguồn.
78	Quạt thông gió trống.
79	Quạt thông gió PCU.

No	Đối tượng kiểm tra.
80	Role nối Finisher.
81	Role nối Finisher bấm ghim.
82	Role điều khiển trục ra cuối cùng Finisher.
84	Bộ đếm tổng.
85	Động cơ điều khiển trục dịch ngang.
86	Động cơ chính 2 của finisher.
87	Động cơ đầu ra finisher.
88	Động cơ 1,2 dập ghim gáy sách.
89	Động cơ đục lỗ Finisher.
90	Điốt laser DFU
92	Động cơ nâng khay Finisher.
93	Động cơ Jogger Finisher.
94	Động cơ dịch chuyển bộ bấm ghim Finisher.
95	Động cơ kéo belt đầu ra.
96	Động cơ điều khiển vị trí chặn giấy Finisher.
97	Động cơ bấm ghim finisher.

2.1.6. Kiểm tra tín hiệu đầu vào ADF - SP6007 :

1. Thực hiện các thao tác để vào mã SP 6007.
2. Lựa chọn đối tượng kiểm tra theo nhóm và số mã trong bảng dưới đây.
3. Kiểm tra bằng cách Bấm phím ON và OFF.

Bit	7 6 5 4 3 2 1 0
Data	1 1 0 0 1 0 1 0

Nhóm 1.	
Bit	Đối tượng kiểm tra.
0	Sensor 3 đo chiều dài bản gốc (LG).
1	Sensor 2 đo chiều dài bản gốc (A4).
2	Sensor 3 đo chiều dài bản gốc (B5).
3	Sensor nhận bản gốc.
4	Sensor 1 đo chiều rộng bản gốc.
5	Sensor 2 đo chiều rộng bản gốc.
6	Sensor 3 đo chiều rộng bản gốc.
7	Sensor 4 đo chiều rộng bản gốc.

Nhóm 2.	
Bit	Đối tượng kiểm tra.
0	Sensor chỉnh độ nghiêng.
1	Sensor nhịp.
2	Sensor trục chờ.
3	Sensor đầu ra.
4	Sensor vị trí DF.
5	Sensor khởi động APS.
6	Sensor nắp trên ADF.
7	Sensor vị trí của trục Pick-up.

Nhóm 3.	
Bit	Đối tượng kiểm tra.
0	Sensor vị trí ban đầu của khay vào.
1	Sensor vị trí của khay vào.
2	không sử dụng.
3	không sử dụng.
4	không sử dụng.
5	không sử dụng.
6	không sử dụng.
7	không sử dụng.

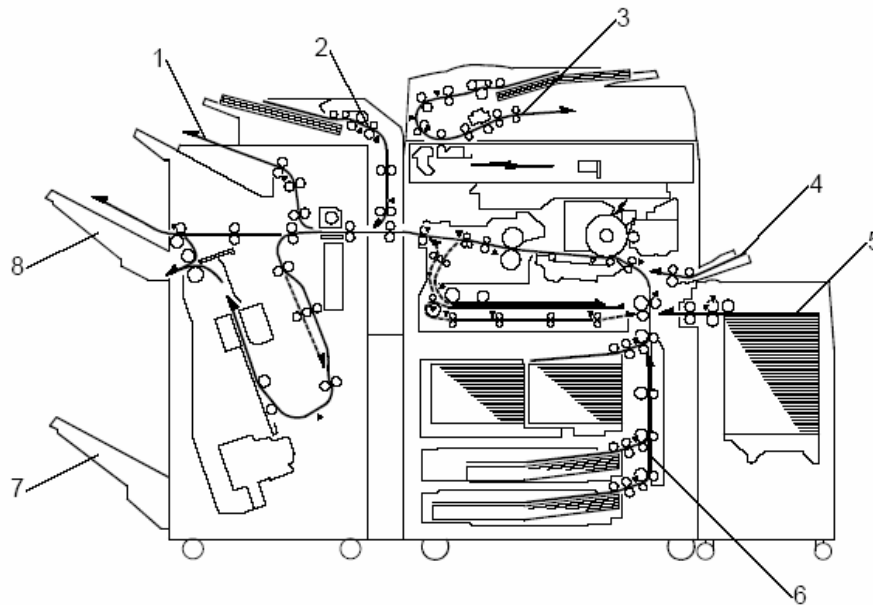
2.1.7. Kiểm tra tín hiệu đầu ra của ADF - SP 6008 :

1. Thực hiện vào mã SP 6008.
2. Chọn đối tượng kiểm tra theo bảng dưới đây.
3. Sử dụng phím ON và OFF để kiểm tra.

Bit	7 6 5 4 3 2 1 0
Data	1 1 0 0 1 0 1 0

No	Đối tượng kiểm tra.	0	1
1	Động cơ kéo bản gốc - Thuận chiều.	OFF	ON
2	Động cơ kéo bản gốc - Ngược chiều.	OFF	ON
3	Động cơ truyền giấy - thuận chiều.	OFF	ON
4	Động cơ đầu ra - Thuận chiều.	OFF	ON
5	Động cơ Pick-up - Thuận chiều.	OFF	ON
6	Động cơ khay bản gốc - Chiều nâng.	OFF	ON
7	Động cơ khay bản gốc - Chiều hạ .	OFF	ON

2.1.8. Mô tả đường giấy đi trong máy : Hình 2.



Hình 2.

2.2. Điều chỉnh máy bằng SP mode :

2.2.1. SP1- xxx Feed :

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
1001	Đăng ký cạnh trước.	Điều chỉnh cạnh trước của bản in theo mẫu in từ mã SP2902-3, No10 [-9 ~ + 9/+3.0/ 0.1mm]. Chuẩn : 3 ± 2mm.	
1002	Đăng ký Cạnh này tới cạnh kia.	Điều chỉnh cạnh trái và cạnh phải theo bản test mẫu in từ mã SP2902-3, No10. Phải điều chỉnh mã này sau khi thay bộ phát đồng bộ Laser hoặc khối thấu kính laser.	
	001	Khay 1.	[-9 ~ + 9/+3.0/ 0.1mm].
	002	Khay 2.	[-9 ~ + 9/+3.0/ 0.1mm].
	003	Khay 3.	[-9 ~ + 9/+3.0/ 0.1mm].
	004	Khay 4 (Nhật)	[-9 ~ + 9/+3.0/ 0.1mm].
	005	Khay tay.	[-9 ~ + 9/0/ 0.1mm].
	006	LCT.	[-9 ~ + 9/+3.0/ 0.1mm].
	007	Khay duplex.	[-9 ~ + 9/+1.5/ 0.1mm].
1003	Điều chỉnh độ uốn cong của giấy ở trục chờ,		
	001	Khay LCT	Điều chỉnh thời điểm hoạt động của động cơ trục chờ để giấy dừng ở trục chờ một khoảng thời gian xác định. [-9 ~ + 9/0/ 0.1mm].
	002	Khay tay	
	003	Khay duplex	
1007	Hiện thị khổ giấy kéo từ khay tay.	Dùng mã này để xác nhận khổ giấy nhận được trong khay tay.	
1008	Điều chỉnh chặn giấy của Duplex.	Điều chỉnh khoảng cách giữa cái chặn giấy phía trước và phía sau. Tham số nhỏ đi khoảng cách ngắn lại. Hai chặn giấy đối xứng nhau vậy khi điều chỉnh chú ý khoảng	

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		cách nhỏ hơn khổ giấy làm nhàu giấy hoặc rộng hơn khổ giấy sẽ làm lệch trong duplex. [-4 ~ + 4/0/ 0.1mm].
1103	Điều chỉnh sấy trong thời gian máy nghỉ.	Điều chỉnh sấy trong khoảng thời gian máy nghỉ. [0 ~ 900/70/ 1s]. khi nhiệt độ trong phòng thấp copy bản đầu và bản thứ hai thường không đầy đủ . Trường hợp này phải điều chỉnh tăng tham số để bật sấy.
1104	Kiểm tra nhiệt độ sấy.	Lựa chọn phương pháp kiểm tra nhiệt độ sấy. OFF : Kiểm tra ON/OFF. ON : Kiểm tra "Phase".
1105	Điều chỉnh nhiệt độ sấy.	Điều chỉnh nhiệt độ của trục sấy khi sử dụng giấy thường , giấy OHP, Giấy dày.
	001 Giấy thường	[170 ~ 200/185/ 1°C].
	002 OHP	[170 ~ 200/165/ 1°C].
	003 Dày	[170 ~ 200/190/ 1°C].
1106	Hiển thị nhiệt độ sấy.	Hiển thị nhiệt độ của trục sấy.
1110	Cài đặt giấy ra Cho "Plate mode".	Lựa chọn phương ra giấy cho "Plate mode". [0 ~ 1/0/ 0 hoặc 1]. 0 : Mặt giấy úp. 1 : Mặt giấy ngửa.
1112	Quá trình kiểm tra tự động.	Cài đặt quá trình kiểm tra tự động nhiệt độ trục sấy tới thời điểm khởi động. [70 ~ 150/140/ 1°C]DFU.
1901	Cài đặt giảm tốc độ copy trong 1 phút cho giấy đặc biệt.	
	001 Giấy dày.	Cài đặt lựa chọn tốc độ copy khi copy giấy dày và khi in nhãn mác.
	002 Tờ nhãn mác.	

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			Cài tốc độ chậm để bề mặt giấy qua sấy sẽ đẹp hơn. [0 ~ 4/2/ 1 step]. 0 : 25 Cpm. 1 : 35 Cpm. 2 : 40 Cpm. 3 : 45 Cpm. 4 : 55 Cpm.
1902	Điều chỉnh động cơ giấy lau trực sấy.		
	001	Cài đặt/Hiển thị vùng đã sử dụng của giấy lau trực sấy.	Hiển thị tỷ lệ giấy lau đã sử dụng từng 1% (0% ~ 100%). Khi thay giấy lau mới phải xoá về 0%. [0% ~ 120%/0/ 1%]
	002	Cài đặt chu kỳ thời gian hoạt động của động cơ giấy lau.	Điều chỉnh khoảng thời gian (sec) của copy sau khi động cơ giấy lau hoạt động. [0 ~ 50/15/ 1s]
	003	Điều chỉnh thời gian hoạt động của động cơ giấy lau.	Điều chỉnh thời gian hoạt động của động cơ giấy lau. [0 ~ 40/28/ 0.1s]DFU
	004	Cài đặt tham số cảnh báo gần hết giấy lau trực sấy.	Cài đặt tham số báo gần hết giấy lau. [0% ~ 100%/90%/ 1%]
	005	Cài đặt hệ số của cuộn giấy lau.	Hệ số của cuộn giấy lau là xác định thời gian giấy lau mực trên trực sấy. DFU [10 ~ 20/12/ 1]
1903	Công việc khi hết giấy lau		
	001	Có/Không.	Xác định động cơ giấy lau có được hoạt động nữa hay không khi báo hết giấy lau. [0 ~ 1/0/ 0 hoặc 1] 0 : Động cơ OFF. 1 : Động cơ ON

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	002	Cài đặt điều kiện hoạt động của động cơ giấy lau. Cài đặt thời gian hoạt động của động cơ giấy lau sau máy báo hết giấy lau và SP1903-001 đặt "ON". [1 ~ 99/7/ 1s].
	003	Cài đặt số lần hoạt động của động cơ giấy lau. Cài đặt số lần hoạt động tiếp theo sau khi đã báo hết giấy lau và SP1903-001 đặt ở "ON". [1 ~ 5/2/ 1].
1904	Chọn khổ giấy cho khay tay.	
	001	Khổ nhỏ nhất. Xác định cỡ giấy có độ rộng nhỏ nhất (100mm). Dịch chuyển chặn giấy về vị trí có độ rộng nhỏ nhất sau đó bấm phím "Start"
	002	Khổ lớn nhất. Xác định cỡ giấy có độ rộng lớn nhất (A3). Dịch chuyển chặn giấy về vị trí có độ rộng lớn nhất (A3) sau đó bấm phím "Start"
1905	Cài đặt khay tay chạy giấy dây.	Điều chỉnh sự hoạt động của khớp ma sát kéo giấy khay tay khi kéo giấy dây. ON : 30ms. OFF: Normal. Khi cài khay tay chạy giấy dây , sau khi khớp ma sát kéo giấy khay tay hoạt động được 30ms thì Động cơ trực chờ hoạt động.

2.2.2. SP2 - xxx Drum :

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
2001	Điều chỉnh cao áp sạc.		
	001	Điện áp thực hiện trong tạo ảnh.	Điều chỉnh điện áp đặt vào lưới cao áp . Khi quá trình tự động điều khiển OFF. [-600 ~ -1300/ -1000V / 10V]. Khi thay dây cao áp sạc mới phải chỉnh cao áp lưới về giá trị mặc định.
	002	Điều chỉnh khi ID sensor đo điện áp mẫu.	Điều chỉnh điện áp đặt vào lưới cao áp . Khi ID sensor đo điện áp mẫu trên mặt trống. [-600 ~ -1200/ -650V / 10V].
	003	Điều chỉnh dòng của cao áp sạc.	Điều chỉnh dòng tổng của dây cao áp sạc. [-600 ~ -1300/ -1000V / 10 μ A].
	004	Điều chỉnh điện áp lưới , khi sử dụng chế độ tự động điều chỉnh.	Điều chỉnh điện áp đặt vào lưới cao áp . Khi quá trình tự động điều khiển ON. [-600 ~ -1300/ -600V / 10V]. Khi quá trình tự động điều chỉnh cao áp sạc đã được khởi động.
	005	Điều chỉnh cao áp lưới khi dùng giấy OHP.	Điều chỉnh điện áp đặt vào lưới cao áp . Khi sử dụng giấy OHP. [-600 ~ -1300/ -700V / 10V].
	006	Điều chỉnh dòng cao áp lưới trong chế độ chụp ảnh.	Điều chỉnh dòng của điện áp đặt vào lưới cao áp . Khi sử dụng chế độ chụp ảnh. [-1400 ~ -1600/ -1600 / 10 μ A].
2101	Điều chỉnh xoá các cạnh của bản in.		Điều chỉnh xoá các cạnh trước , sau , cạnh bên trái , cạnh bên phải của bản in.
	001	Xoá cạnh trước.	[0.0 ~ 9.0/ 3.0 / 0.1mm]. Mặc định : 3 \pm 2 mm.
	002	Xoá cạnh sau.	[0.0 ~ 9.0/ 3.0 / 0.1mm].

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			Mặc định : 3 ± 2 mm.
	003	Xoá cạnh bên trái.	[0.0 ~ 9.0/3.0/ 0.1mm]. Mặc định : 3 ± 2 mm.
	004	Xoá cạnh bên phải.	[0.0 ~ 9.0/3.0/ 0.1mm]. Mặc định : 3 ± 2 mm.
2103	Điều chỉnh nguồn LD		Điều chỉnh nguồn LD để đạt đến độ phân giải 1200dpi.
	001	Điều chỉnh nguồn LD0	Điều chỉnh nguồn của 4 tia laser. [-127 ~ +127/0/ 1] 1= 1.1 μW. DFU
	002	Điều chỉnh nguồn LD1	
	003	Điều chỉnh nguồn LD2	
	004	Điều chỉnh nguồn LD3	
	005	Nguồn LD0 Start/End	
	006	Nguồn LD1 Start/End	
	007	Nguồn LD2 Start/End	
	008	Nguồn LD3 Start/End	
2104	Điều chỉnh độ đậm của đường kẻ.		
	001	Cài đặt Reduction mode ON/OFF . Khi in 1200dpi	Cài đặt chế độ hiệu chỉnh hình ảnh khi thực hiện in 1200dpi. [0 ~ 1/0/ 1] . 0: off , 1 : on. Khi chuyển về 1 dòng kẻ ngang sẽ đậm lên.
	002	Reduction mode ON : khi in 1200dpi.	Điều chỉnh độ không đồng đều của ảnh khi in 1200dpi. [-20 ~ +10/-8/ 1]
	003	Cài đặt Reduction mode ON/OFF . Khi copy 1200dpi	Cài đặt chế độ hiệu chỉnh hình ảnh khi thực hiện copy 1200dpi. [0 ~ 1/0/ 1] . 0: off , 1 : on.
	004	Reduction mode ON : khi copy 1200dpi.	Điều chỉnh độ không đồng đều của ảnh khi copy 1200dpi. [-20 ~ +10/0/ 1]

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
2110	Test mẫu mật độ laser	Điều chỉnh mật độ điểm . Tạo bản Test để điều chỉnh tia laser. DFU
2111	Nhận dạng độ dày FCI	
	001 Khổ ma trận (> 600dpi)	Khi bật (ON) sự nhận dạng độ dày FCI , nó chỉ nhận dạng vùng ảnh và vùng có màu sắc , không nhận dạng các vùng khác. Nó điều chỉnh độ sắc nét của vùng ảnh. [0 ~ 1/0/ 0 hoặc 1]. 0: OFF. 1: ON.
	002 Tham số ngưỡng (>600dpi)	
	003 Khổ ma trận (<400dpi)	
	004 Tham số ngưỡng (<400dpi)	
2114	Sự gia công các cạnh bằng phương pháp nhị phân.	Cài đặt tham số cho việc chỉnh sửa các cạnh bằng phương pháp nhị phân cho chế độ in , khi chế độ FCI phải OFF. Các giá trị cài đặt sẽ trở về giá trị mặc định khi thực hiện lấy lại tham số ban đầu của phần in. Mục đích của sự cài đặt này là nâng cao chất lượng của ảnh.
	001 Mức điểm ảnh ở cạnh trước (1200dpi).	[0 ~ 15/7/1].
	002 Mức điểm ảnh ở cạnh sau (1200dpi).	[0 ~ 15/7/1].
	003 Mức điểm ảnh liên tục (1200dpi).	[0 ~ 15/15/1].
	004 Mức điểm ảnh độc lập (1200dpi).	[0 ~ 15/15/1].
	005 Mức điểm ảnh ở cạnh trước (600dpi).	[0 ~ 15/7/1].
	006 Mức điểm ảnh ở cạnh sau (600dpi).	[0 ~ 15/7/1].
	007 Mức điểm ảnh liên tục (600dpi).	[0 ~ 15/15/1].
	008 Mức điểm ảnh độc	[0 ~ 15/15/1].

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	lập (600dpi).	
2115	Điều chỉnh cường độ của tia laser scan chính.	Cài đặt tham số theo bảng danh mục dán trên khối laser. Tương ứng với việc cài đặt và điều chỉnh các tia laser từ LD0 đến LD3.
	001 Điều chỉnh tia laser LD0 và LD1.	[0 ~ 999/106/1]
	002 Điều chỉnh tia laser LD0 và LD2.	[0 ~ 999/212/1]
	003 Điều chỉnh tia laser LD0 và LD3.	[0 ~ 999/317/1]
2201	Điều chỉnh điện áp trực	từ.
	001 Điện áp trực từ cho vùng ảnh.	Điều chỉnh điện áp trực từ trong vùng ảnh của chế độ copy. Chế độ kiểm tra OFF. [-700 ~ -200/-600/10V]. <i>Điều chỉnh tạm thời để bù vào độ cũ của trống.</i>
	002 ID sensor đo mẫu.	Điều chỉnh điện áp trực từ khi ID sensor đo điện áp mẫu .DFU [-700 ~ -200/-380/10V]. <i>Mã này và mã SP2201-004 cùng điều chỉnh một lượng như nhau.</i>
	003 OHP	Điều chỉnh điện áp trực từ khi sử dụng chế độ giấy OHP. [-700 ~ -200/-380/10V].
	004 IDsensor đo điện thế trực từ mẫu.	Điều chỉnh điện áp trực từ để ID sensor đo điện áp mẫu. [-700 ~ -200/-380/10V]. <i>Mã này và mã SP2201-002 cùng điều chỉnh một lượng như nhau.</i>
	005 Cài đặt thang điều chỉnh điện áp Vb.	Cài đặt bước chỉnh điện áp cho 4 mã trên. DFU.
2207	Cung cấp mực cưỡng bức.	Khi bấm phím "Start" lọ mực sẽ quay trong 7sec để cấp mực xuống

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		khoang mực của hộp từ. <i>Chỉ sử dụng mã này trong trường hợp copy ảnh thấy mờ. Không thực hiện hiệu chỉnh chế độ cấp mực.</i>
2208	Chế độ cung cấp mực.	Lựa chọn chế độ cung cấp mực : Cấp mực bằng sự kiểm tra của sensor và cấp mực cố định theo số bản in. [0 ~ 1/0/ 0 hoặc 1]. 0 : Cấp mực bằng sự kiểm tra của sensor. 1 : Cấp mực cố định theo số bản copy. <i>Chỉ đặt về "1" trong trường hợp TD sensor lỗi hoặc hỏng.</i>
2209	Dải cung cấp mực.	Điều chỉnh dải cung cấp mực xuống bột từ. [10 ~ 800/30/ 5mg/s]. <i>Khi tăng tham số thì thời gian ON của khớp ma sát cấp mực giảm.</i>
2210	Khoảng cách giữa hai lần đo điện áp mẫu của ID sensor.	Điều chỉnh khoảng cách thời gian giữa hai lần đo điện thế mẫu trên mặt trống của ID sensor, Nhận Vsp/Vsg. [0 ~ 200/10/ 1]. Giảm khoảng cách đo tương ứng với độ đen cao.
2220	Điều chỉnh Vref bằng tay.	Điều chỉnh điện áp (Vref) bằng tay liên quan tới TD sensor . [1.0 ~ 4.80/4.00/ 0.01V].
2223	Hiển thị điện áp Vt	Hiển thị điện áp ra (Vt) của TD sensor. [0 ~ 5.0 v/ 4.0v]
2301	Điều chỉnh dòng tách mực.	Điều chỉnh dòng tách mực đặt vào belt lúc thực hiện copy.
	001	Bản copy thứ nhất. [20 ~ 200/80/ 1μA].
	002	Bản copy thứ hai. [20 ~ 200/80/ 1μA].

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	003	Khay tay [20 ~ 200/75/ 1 μ A].
	004	Khổ post card. [20 ~ 200/165/ 1 μ A].
	005	Giữa hai tờ giấy. [20 ~ 200/15/ 1 μ A].
	006	Giấy nhẵn, mác. [20 ~ 200/75/ 1 μ A].
	007	Giấy dày [20 ~ 200/120/ 1 μ A].
	008	OHP [20 ~ 200/75/ 1 μ A].
	009	Giấy can [20 ~ 200/120/ 1 μ A].
	010	Cạnh trước của ảnh. [20 ~ 200/65/ 1 μ A].
	011	Cạnh sau của ảnh. [20 ~ 200/65/ 1 μ A].
2506	Cài đặt thời gian làm sạch.	
	001	Thực hiện cài đặt. Cài đặt khoảng thời gian ổn định giữa hai lần copy nhân bản máy dừng lại để : 1. Dừng lại và quay ngược trống để làm sạch gạt mực. 2. Dừng lại để làm sạch và hiệu chỉnh và kiểm tra mật độ mực của ID sensor. [1 ~ 2/1/ 1 hoặc 2]. 1 : Không cài tính năng này. 2 : Cài tính năng này.
	002	Cài khoảng thời gian dừng máy giữa hai lần copy liên tục. Lựa chọn khoảng thời gian dừng máy giữa hai lần copy liên tục. [0 ~ 100/15/ 1phút].
2507	Cài đặt cho ID sensor đo điện thế mẫu trên mặt trống.	
	001	Cài đặt đo Trong khoảng thời gian xác định ID sensor sẽ thực hiện đo điện áp mẫu. [0 ~ 1/1/ 1 hoặc 0]. 0 : OFF. 1: ON.
	002	Cài đặt số bản copy để IDsensor tiến hành đo điện thế mẫu. Trước hết phải đặt SP2507-001 về "1", sau đó lựa chọn số bản copy. [0 ~ 10.000/100/ 1].

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
2801	Điều chỉnh tham số ban đầu của TD sensor.	Vào mã này sau đó bấm phím START máy sẽ chạy và tự động điều chỉnh giá trị điện áp ra của TD sensor về 3.00V. Nếu mã SP2967 đặt về ON thì giá trị điện áp ra của TD sensor bằng 2.5v. Khi thay TDsensor hoặc thay từ bắt buộc phải thực hiện mã này.
2803	Khởi động lau cao áp sạc bằng tay.	Vào SP2803 sau đó bấm Start động cơ sẽ khởi động và lau dây cao áp sạc.
2804	Cài đặt lau dây cao áp sạc tự động.	
	001 Cài đặt lau tự động.	Khi cài đặt sau khoảng thời gian xác định động cơ tự động lau dây cao áp sạc. [0 ~ 1/1/ 1 hoặc 0]. 0: không sử dụng tính năng này. 1: Có sử dụng tính năng này. Khoảng cách giữa 2 lần lau được cài bởi mã SP2804-002.
	002 Cài số bản copy giữa 2 lần lau.	Số bản copy hoặc in giữa hai lần lau: [100 ~ 10.000/5000/ 100].
2902	Test mẫu.	
	001 Test mẫu từ IPU : Mặt trước.	Bản test mẫu scan được in kèm các tham số scan vào mặt trước của bản gốc (CCD→BICU).
	002 Test mẫu từ IPU : Mặt sau.	Bản test mẫu scan được in kèm các tham số scan vào mặt sau của bản gốc (CIS→BICU).
	003 In bản test mẫu.	Máy in ra bản test mẫu.
	004 In bản test mẫu của IPU.	Máy in ra bản test mẫu có chứa tham số của ảnh scan.
2906	Kiểm tra và điều chỉnh	điện áp điều khiển TDsensor.
	001 Điều chỉnh điện áp điều khiển TD	Điều chỉnh điện áp điều khiển TD sensor. DFU.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
		sensor.	[4.0 ~ 12.0/9.7/ 0.1].
	002	Tự động điều chỉnh TD sensor.	Hiển thị tham số của mã SP2801 (tự động điều chỉnh về tham số chuẩn).
2909	Điều chỉnh sự dẫn nỡ của Scan chính.		
	001	Copy	Điều chỉnh độ dẫn nỡ của scan chính khi copy trực tiếp. [-2.0 ~ +2.0/0/ 0.1%].
	002	In	Điều chỉnh độ dẫn nỡ của scan chính khi in trực tiếp. [-2.0 ~ +2.0/0/ 0.1%].
2910	Điều chỉnh sự dẫn nỡ khi viết scan phụ.		Điều chỉnh độ dẫn nỡ của scan phụ khi copy trực tiếp. [-1.0 ~ +1.0/0/ 0.1%].
2912	Điều chỉnh dải quay ngược trống.		
	001	Lượng quay.	Chỉnh độ dài quay ngược trống để lau gạt mực. [0 ~ 10/2/ 1].
	002	Chu kỳ quay ngược.	Điều chỉnh chu kỳ quay ngược trống để lau gạt mực. [0 ~ 6/0/ 1phút].
2920	Tắt kiểm tra LD.		Kiểm tra LD khi tắt bật máy và thời điểm đóng mở cửa. [0 ~ 1/0/ 1hoặc 0]. 0 : ON. 1 : OFF.
2930	Làm sạch điện áp tách mực		Bộ LD viết mẫu lên mặt trống với độ phân giải 400dpi hoặc 600dpi vì vậy việc làm sạch phần mực ứng dụng và làm sạch belt là điều cần thiết. SP mode này sẽ đưa một thiên áp vào trục thiên áp để làm sạch trục thiên áp và belt trong một khoảng thời gian xác định (3sec).DFU [0 ~ 1/0/ 1hoặc 0]. 0:OFF, 1: ON.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
2931	Thời gian ON/OFF dòng Transfer : Khay LCT.		
	001	La1	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	002	La1f	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	003	Lc1r.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	004	Lc1.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	005	La2.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
	006	La2f.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	007	Lc2r	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt sau. [0 ~ +20/0/1mm].
	008	Lc2.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
	009	La3	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay LCT. [-30 ~ +30/0/1mm].
010	La3f.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay LCT. [-30 ~ +30/0/1mm].	

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	011	Lc3r.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay LCT giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
	012	Lc3	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay LCT giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
2932	Thời gian ON/OFF dòng Transfer : Khay 1.		
	001	La1	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	002	La1f	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	003	Lc1r.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	004	Lc1.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	005	La2.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
	006	La2f.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	007	Lc2r	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt sau. [0 ~ +20/0/1mm].
	008	Lc2.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].

=====
Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	009	La3	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	010	La3f.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	011	Lc3r.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
	012	Lc3	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
2933	Thời gian ON/OFF dòng		Transfer : Khay 2.
	001	La1	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	002	La1f	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	003	Lc1r.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	004	Lc1.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	005	La2.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
	006	La2f.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	007	Lc2r	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer ,

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt sau. [0 ~ +20/0/1mm].
	008	Lc2.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
	009	La3	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	010	La3f.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	011	Lc3r.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
	012	Lc3	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
2934	Thời gian ON/OFF dòng		Transfer : Khay 3.
	001	La1	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	002	La1f	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	003	Lc1r.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	004	Lc1.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	005	La2.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt sau.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		[-30 ~ +30/0/1mm].
	006 La2f.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	007 Lc2r	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt sau. [0 ~ +20/0/1mm].
	008 Lc2.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
	009 La3	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	010 La3f.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	011 Lc3r.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
	012 Lc3	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
2935	Thời gian ON/OFF dòng Transfer : Khay 4.(Nhật)	
	001 La1	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	002 La1f	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	003 Lc1r.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt trước.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			[0 ~ +20/0/1mm].
	004	Lc1.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	005	La2.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
	006	La2f.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
	007	Lc2r	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt sau. [0 ~ +20/0/1mm].
	008	Lc2.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
	009	La3	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	010	La3f.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	011	Lc3r.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
	012	Lc3	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
2936	Thời gian ON/OFF dòng		Transfer : Khay tay.
	001	La1	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
	002	La1f	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer ,

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
003	Lc1r.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
004	Lc1.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt trước. [-30 ~ +30/0/1mm].
005	La2.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
006	La2f.	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh trước khi copy mặt trước. [0 ~ +20/0/1mm].
007	Lc2r	Điều chỉnh vùng của dòng Transfer , thực hiện ở cạnh sau khi copy mặt sau. [0 ~ +20/0/1mm].
008	Lc2.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy mặt sau. [-30 ~ +30/0/1mm].
009	La3	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
010	La3f.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
011	Lc3r.	Điều chỉnh dòng transfer ON khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày. [-30 ~ +30/0/1mm].
012	Lc3	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay khổ rộng giấy dày.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			[-30 ~ +30/0/1mm].
	013	La4.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	014	La4f.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	015	Lc4r.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
	016	Lc4r.	Điều chỉnh dòng transfer OFF khi copy từ khay tay. [-30 ~ +30/0/1mm].
2640	Reface mode		Để gạt làm sạch được điểm mẫu do IDsensor tạo ra . phải cài bộ đếm cho mẫu.DFU. [0 ~ 100/6/1]. Khi tăng tham số lên trống sẽ quay không êm , tức là lúc trống quay sẽ phát ra tiếng ồn.
2961	Mã điều chỉnh từ.		DFU.
2962	Điều chỉnh điều kiện làm việc của trống.		Quá trình kiểm tra này được thực hiện bằng tay. điều kiện trống không tốt nếu quá trình điều khiển SP3901 không thực hiện được và nhiệt độ sấy nhỏ hơn 100°C.
2963	Chế độ lắp mới.		Bấm phím ENTER trên màn hiển thị. máy sẽ tự động lấy lại tham số của từ và cấp mực xuống khoang chứa mực ở hộp từ.
2964	Định hình dòng transfer để gạt mực.		
	001	Cài đặt khoảng mẫu.	Lựa chọn khoảng dịch chuyển của mực sang trống và transfer belt . Làm sạch mực trên trống và belt bằng gạt trống và belt.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		[0 ~ 100/6/1copy].DFU. Nếu cài ở 0 thì sẽ không tạo mẫu.
	002	Cài đặt số lượng mẫu trắng. Điều chỉnh độ nhạy sáng sử dụng gạt mực để làm sạch điểm mẫu. [0 ~ 4/2/1].DFU.
	003	Cài đặt dòng transfer ON/OFF. Dòng transfer ON hoặc OFF để tạo mẫu , Làm sạch mẫu bằng gạt mực. DFU. OFF: là lúc gạt mực làm sạch mẫu.
2965	Điều chỉnh hệ thống bơm DFU.	
	001	Mực đã sử dụng quay lần đầu tiên. [0 ~ 100/3/1g].DFU
	002	Mực đã sử dụng sau khi quay lần đầu tiên. [0 ~ 100/3/1g].DFU
	003	Thời gian ON của khớp ma sát bơm. [0 ~ 5/2/1s].DFU
	004	Thời gian ON của động cơ bơm. [0 ~ 20/6/1s].DFU
	005	Mực được quay về để sử dụng lại. [0 ~ 50/30/1g].DFU
	006	Hiển thị lượng mực. DFU
2966	Tình trạng của trống : Điều chỉnh chu kỳ.	
	001	ON/OFF. Xác định quá trình tự động kiểm tra , điều chỉnh và lau dây cao áp theo một chu kỳ nhất định. [ON/OFF]. Cài ON : kiểm tra ,điều chỉnh và lau dây cao áp tự động nếu như máy không tắt nguồn trong 24 giờ (1). Và trường hợp (2) sau mọi công việc copy.
	002	Cài đặt thời gian. Cài đặt thời gian thực hiện tự động điều chỉnh sau khi SP2966-001 đặt về ON. [0 ~ 24/24/1giờ].

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
2967	Chế độ điều chỉnh tự động mật độ ảnh.	Xác định lượng mực được cung cấp bởi TD sensor trong quá trình kiểm tra tự động. Đây là nét đặc trưng trong máy sử dụng TD sensor để cung cấp mực. [ON/OFF]. Quá trình kiểm tra và điều chỉnh tự động được thực hiện sau khi bật công tắc nguồn chính, người ta dùng ID sensor để kiểm tra và điều chỉnh lượng mực trong khối từ theo chế độ danh định. Tuy nhiên trong điều kiện môi trường nào đó ví dụ như trong không khí có Amoniác ID sensor sẽ không đọc được dẫn đến mực xuống quá nhiều nên bản chụp bị bản hoặc quá đen.
2968	Chế độ thải mực.	Khi bấm phím "Execute" mực trong bộ thải mực sẽ bị cưỡng bức đẩy vào bình mực thải. Giải phóng mực ở transfer belt bằng cách kéo giấy không in khoảng 60sec.
2969	Chai Mực : Bộ đếm số	vòng quay lọ mực.
	001 Cài đặt bộ đếm copy.	Cài đặt số copy tiêu chuẩn khi sử dụng số vòng quay của lọ mực. [50 ~ 500/100/1].DFU.
	002 Xoá bộ đếm.	Xoá bộ đếm số vòng quay của lọ mực . DFU.
	003 Hiển thị bộ đếm copy <u>1</u> .	Sử dụng để xác nhận số vòng quay của lọ mực. [0 ~ 10K/0].
2970	001 Điện trở của transfer belt : Hiển thị giá trị tham số.	Sử dụng trong khoảng giữa các tờ đo điện trở của transfer belt và hiển thị giá trị (Ω). very high→190←High→90←

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
		Standard→25←Low→15←very low	
2971	Tham số đầu ra của khoảng tách mực.		
	001	Điện áp.	Hiển thị giá trị của SP2970-001.
	002	Dòng điện.	
2972	Điều khiển quạt làm mát lọ mực.	Công tắc quạt làm mát ON/OFF. OFF : Quạt làm mát lọ mực OFF , máy tắt điện nguồn hoặc máy vào chế độ "Night mode". ON : Động cơ quạt làm mát ON.	

2.2.3. SP3 - xxx : Cài đặt máy.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
3001	Cài đặt giá trị ban đầu của ID sensor.		
	001	Cài đặt PWM của ID sensor.	Máy báo SC liên quan đến IDsensor, có thể lấy lại được tham số của nó sau khi xoá hoặc thay NVRAM. Reset SPmode về giá trị mặc định. [0 ~ 255/90/1].
	002	Lấy lại giá trị ban đầu của IDsensor.	Cài đặt lại giá trị ban đầu của IDsensor . Tức là điều chỉnh điện áp đầu ra (Vsg) khi IDsensor đo mặt trống bằng $4.00V \pm 0.2V$. Phải thực hiện mã này sau khi : 1. Thay hoặc làm sạch IDsensor. 2. Thay NVRAM. 3. Làm sạch NVRAM. 4. Thay BICU.
3103	Hiển thị điện áp ra của IDsensor.		
	001	Vsg	Hiển thị giá trị dòng đầu ra của IDsensor sau khi kiểm tra bề mặt trống.
	002	Vsp	Hiển thị giá trị dòng đầu ra của IDsensor sau khi kiểm tra ảnh mẫu của IDsensor.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	003	Vsdp	<p>Hiển thị giá trị dòng đầu ra của IDsensor ngay sau Vsp thời điểm điện thế sạc tắt. Nó đọc giá trị dòng để tạo bản test và tạo ra nét đặc trưng của mẫu.</p>
	<p>Lỗi của IDsensor trong các</p> <p>1. SC350-01: $V_{sp}/V_{sg}/V_{sdp} = 0.00/0.00/0.00$</p> <p>2. SC350-02: $V_{sp}/V_{sg}/V_{sdp} = 5.00/5.00/5.00$</p> <p>3. SC350-03 : $V_{sp}/V_{sg}/V_{sdp} = 0.01/0.01/0.01$</p>		<p>hợp sau:</p>
3901	<p>Cài đặt ON/OFF quá trình tự động kiểm tra và điều chỉnh.</p>		<p>Máy tự động kiểm tra và hiệu chỉnh theo khoảng thời gian điện thế mặt trống (Vd) và hiệu chỉnh nguồn LD khi nhiệt độ sấy nhỏ hơn 100°C, sau khi bật công tắc nguồn.</p> <p>ON/OFF.</p> <p>Cài đặt để duy trì sự sạch của khối cao áp sạc tạo trên bề mặt trống OPC một điện thế Vd phù hợp , và hệ thống làm việc ổn định trong môi trường.</p>
3902	Hiển thị trạng thái của trống.		
	001	Tự động kiểm tra.ON/OF.	<p>Hiển thị chế độ cài đặt tự động kiểm tra hiệu chỉnh máy ON hoặc OFF (0 : OFF, 1 : ON).</p> <p>Cài ở ON máy sẽ tự động kiểm tra và hiệu chỉnh các điện thế của sensor ổn định.</p> <p>Cài ở OFF máy không điều chỉnh các tham số .</p> <p>0 : OFF. 1 : ON</p>

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	002	Vd	Hiển thị điện thế ở vùng đen trên trống , Điện thế chuẩn là điện thế của vùng đen sau khi ánh sáng quét vào nó.
	003	Vh	Hiển thị điện thế chuẩn của mức xám , sử dụng để hiệu chỉnh nguồn laser.
	004	Vg	Hiển thị điện áp lưới kết quả của việc hiệu chỉnh Vd mới nhất.
	005	Mức LD.	Hiển thị tham số hiệu chỉnh nguồn LD kết quả của việc hiệu chỉnh Vh.
	006	Điện thế mẫu của IDsensor. (đen)	Hiển thị điện áp mặt trống mới nhất mà ID sensor đo được.
	007	Vql.	Hiển thị điện thế mặt trống sau đèn xoá trắng.
	008	Vl.	Hiển thị điện áp mặt trống của vùng trắng chuẩn , sau khi ánh sáng quét vùng trắng.
3903	Cài đặt mở rộng thời gian quay của trống . ON/OFF.		<p>Cài ON để giảm sự cố khi máy copy các bản ảnh và khi máy sử dụng ngay khi bật nguồn. [ON/OFF].</p> <p>Lựa chọn ON khi đã cài đặt chế độ tự động kiểm tra và hiệu chỉnh các tham số, lúc này trống tiếp tục quay tới tốc độ ổn định và đọc nhiệt độ sấy tới nhiệt độ làm việc.</p>

2.2.4. SP4-xxx Scanner :

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
4008	Sự dẫn nở của scan phụ khi thực hiện scan.	Điều chỉnh sự dẫn nở ảnh của scan phụ khi scan trực tiếp , bằng cách điều chỉnh tốc độ của động cơ scan. [-0.9% ~ +0.9%/0/0.1%]. Khi giảm tham số tức là giảm tốc độ của động cơ kết quả là tăng chiều dài của ảnh. Khi tăng tham số tức là tăng tốc độ của động cơ scan kết quả là chiều dài của ảnh ngắn lại.	
4010	Điều chỉnh scan cạnh trước.	Điều chỉnh cạnh trước cho scan phụ khi thực hiện scan trực tiếp. [-0.9% ~ +0.9%/0/0.1%].	
4011	Điều chỉnh scan các cạnh bên.	Điều chỉnh cạnh trái và cạnh phải cho scan phụ trực tiếp. [-0.6% ~ +0.6%/0/0.1%].	
4012	Điều chỉnh xoá biên khi scan.	Điều chỉnh xoá các biên trước , biên sau , biên phải và biên trái khi scan. [0 ~ +0.9/0.5/0.1mm].	
	001		Biên trước.
	002		Biên sau.
	003		Biên phải.
	004		Biên Trái.
4013	Chạy testr dàn scan.	Bật và dừng chạy testr dàn scan. (1 : Start ; 0 : Stop). Dàn scan chạy khổ A3.	
	001	Chạy testr dàn scan và đèn quét sáng.	Thực hiện chạy dàn scan và đèn quét bật sáng.
	002	Chạy testr dàn scan và đèn quét tắt.	Thực hiện chạy dàn scan và đèn quét tắt.
4016	Điều chỉnh đọc bảng trắng		
	001	Vị trí khởi động đọc.	Điều chỉnh vị trí chuẩn để đọc bảng trắng. [-9 ~ +9/0/1].

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
	002 Chiều rộng đọc.	Điều chỉnh độ rộng của vùng đọc trên bảng trắng. [-9 ~ +9/0/1].	
4018	Điều chỉnh trực quang học của bộ scanner		
	001	Hiển thị điều chỉnh.	Bật chế độ điều chỉnh trực quang học của dàn scan. DFU. [-2 ~ +2/0/1].
	002	Hiển thị điều chỉnh .	Hiển thị kết quả điều chỉnh của SP4018-001. DFU.
	003	Đọc vị trí của bộ scan.	Điều chỉnh vị trí của dàn scan khi chạy test tức là thay đổi vị trí dừng của dàn scan. Mặc định điều chỉnh bằng SP4018.001. Khi chạy qua ADF điều chỉnh bằng mã SP6006.003 điều chỉnh cạnh trước. [-4 ~ +4/0/1].
	004	Khởi động việc cài đặt đọc vị trí.	Việc điều chỉnh vị trí của SP4018.003 để kích hoạt nó chuyển tham số điều chỉnh vào máy chính cần phải nhấn phím "Execute".
4019	Hiển thị vị trí ban đầu của bộ scanner.	Dùng để hiển thị trạng thái của sensor vị trí ban đầu bộ scanner sau mỗi lần báo lỗi sau : SC120 , SC121 , SC122 , SC123. 0 : Bình thường. 1 : Lỗi. Bit 0 : Sensor OFF tại thời điểm khởi động thực hiện trở về tốc độ cao. Bit 1 : Còn lại ON sau khi trở về. Bit 2 : Còn lại ON cùng lúc quay trở về. Bit 3 : Không tiến tới OFF khi dịch chuyển tiến ra. Bit 4 : Sensor ON tại thời điểm quay về.	

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		Bít 5 : Sensor HP scanner không nhìn thấy dàn scan.
4301	Hiển thị tín hiệu đầu ra của APS sensor.	Hiển thị tín hiệu đầu ra của APS sensor khi đặt bản gốc vào kính . khi khổ bản gốc không nằm trong các khổ tiêu chuẩn máy sẽ hiển thị dấu (*).
4303	Tự động nhận dạng khổ giấy A5.	cài đặt lựa chọn có hoặc không tự động nhận dạng khổ copy A5 bằng APS sensor. [0 ~ 3/0/1]. 0 : Không tự động nhận khổ A5. 1 : Tự động nhận khổ A5 L. 2 : Không nhận . 3 : Nhận A5L.
4600	Đọc SBU ASIC ID	Hiển thị SBU ID code Xác định bằng việc đọc ở SBU sau khi tự động điều chỉnh SBU tại thời điểm bật công tắc nguồn. [0 ~ FFFFh/B550h].
4601	Điều chỉnh SBU PLL	Điều chỉnh mở rộng PLL. DFU [0 ~ FFFFh/2862h].
4605	Điều chỉnh scanner.	
	001	Hiển thị cờ lệnh.
		Hiển thị cờ để đánh dấu sự điều chỉnh kiểm tra mật độ theo bảng trắng chuẩn cho CCD. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Không thực hiện. 1 : Thực hiện.
	002	Khởi động sự điều chỉnh.
		Khởi động sự điều chỉnh mật độ cho CCD theo bảng trắng chuẩn. Đặt 5 tờ giấy A3 trắng vào kính đặt bản gốc sau đó nhấn phím "Execute" để thực hiện điều chỉnh. Màn hiển thị

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			sẽ đưa ra thông báo " <i>Success - thành công</i> " hoặc " <i>Failure- Lỗi</i> ".
4610	Điều chỉnh mức trắng: tiếp theo.		Hiển thị tham số đọc từ bảng mức trắng chuẩn , sau khi đã điều chỉnh mật độ. DFU . [0 ~ 255/0/1].
4613	Điều chỉnh mức trắng quay về giá trị danh định.		DFU
4616	Điều chỉnh mức trắng : Nhà máy.		DFU
4624	Đọc tham số Offset.		
	001	FE ch	DFU
	002	FO ch	DFU
	003	LE ch	DFU
	004	LO ch	DFU
4632	Điều chỉnh lại tham số Offset.		
	001	FE ch	DFU
	002	FO ch	DFU
	003	LE ch	DFU
	004	LO ch	DFU
4641	Điều chỉnh lại mức trắng.		DFU
4646	Điều chỉnh lỗi "Flag" của SBU		DFU
4647	Điều chỉnh lỗi "Flag" của phân cứng SBU.		DFU
4662	Điều chỉnh tham số danh định.		
	001	FE ch	DFU
	002	FO ch	DFU
	003	LE ch	DFU
	004	LO ch	DFU
4681	Điều chỉnh tham số nhà máy.		
	001	FE ch	DFU
	002	FO ch	DFU

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	003	LE ch	DFU
	004	LO ch	DFU
4691	Đọc tham số sắc thái.		
	001	FE ch	DFU
	002	FO ch	DFU
	003	LE ch	DFU
	004	LO ch	DFU
4700	Đọc CIS ASIC ID		Đọc và hiển thị tham số ID của bảng CIS khi bật công tắc nguồn. 0 ~ FFh/OAh.
4701	Điều chỉnh tần số.		DFU
4702	Cài đặt chu kỳ điều chỉnh.		DFU
4705	Điều chỉnh CIS.		
	001	Hiển thị lệnh điều chỉnh.	Hiển thị lệnh điều chỉnh mật độ cho bảng CIS, Sử dụng trực trắng. 0 : Không thực hiện. 1 : Thực hiện.
	002	Khởi động điều chỉnh.	Khởi động điều chỉnh mật độ trắng tiêu chuẩn cho bảng CIS. Đặt 5 tờ A3 trắng vào kính đặt bản gốc sau đó nhấn phím "Execute" để thực hiện điều chỉnh . Màn hiển thị sẽ đưa ra thông báo " <i>Success- Thành công</i> " hoặc " <i>Failure - Lỗi</i> ".
4713	Điều chỉnh mức trắng cho CIS.		
	001	Trực trắng	DFU
	002	Tài liệu trắng.	DFU
4716	Điều chỉnh mức trắng cho CIS : Nhà máy.		
	001	Trực trắng	DFU
	002	Tài liệu trắng.	DFU
4732	Điều chỉnh CIS.		DFU
4735	Đọc mức trắng của CIS		DFU
4741	Điều chỉnh lại mức trắng của CIS.		DFU.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
4742	Điều chỉnh lại trục trắng của CIS	DFU
4745	Lệnh điều chỉnh CIS vượt giới hạn.	DFU
4747	Lệnh điều chỉnh CIS ngoài khoảng thời gian..	DFU
4762	Điều chỉnh CIS về giá trị danh định.	
4765	Điều chỉnh mức trắng tiêu chuẩn của CIS về mặc định.	
	001 Trục trắng.	DFU
	002 Bản gốc trắng tiêu chuẩn.	DFU
4781	Điều chỉnh CIS ở nhà máy.	DFU
4901	Hiệu chỉnh mặt trước của bản scan.	
	001 Hiệu chỉnh sắc thái : Cài đặt tự động điều chỉnh đèn quét (AEREF)	Thay đổi tham số của AEREF (tự động điều chỉnh đèn quét) để điều chỉnh sắc thái của ảnh scan được từ mặt trước (SBU). DFU [0 ~ 63/ 0/1].
	002 Hiệu chỉnh sắc thái mặt trước : Tham số đầu ra của sắc thái.	Tham số đầu ra của AEREF dùng để hiệu chỉnh ảnh scan được từ mặt trước (SBU).DFU 0 : Danh định. 1 : Tham số đầu ra. Sau khi thực hiện SP4901.001 phải nhấn vào "Copy Window" và bấm phím "Start" để đưa ra tham số đầu ra.(Máy sẽ tự động thay đổi SPmode).
	003 Số hoá AE của mặt trước : Cài đặt AEREF	Chuyển tham số của EAREF thành A/E kỹ thuật số của hình ảnh scan được từ mặt trước.DFU [-63/ -12/63].
	004 Tín hiệu AE kỹ thuật số : Hạn chế dưới.	Cài đặt hạn chế dưới tới 120 cho tham số dùng cho quá trình số hoá

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		A/E tham số của hình ảnh scan được từ mặt trước (SBU).DFU 0 : Không hạn chế dưới. 1 : Cài hạn chế dưới.
	010 Điều chỉnh hình ảnh scan mặt trước : Mode : Text.	Chuyển mật độ tham số của mặt trước ảnh scan được (SBU) và MTF [0 ~ 3/0/1].
	011 Điều chỉnh hình ảnh scan mặt trước : Mode : Photo.	0 : Danh định. 1 : Mức thấp . 2 : Mức trung bình.
	012 Điều chỉnh hình ảnh scan mặt trước : Mode : Text/photo.	3 : Mức cao.
	013 Điều chỉnh hình ảnh scan mặt trước : Mode : Pale.	
	014 Điều chỉnh hình ảnh scan mặt trước : Mode : Generation.	
	019 Điều chỉnh hình ảnh scan mặt trước : Mode : Setting	
4903	Điều chỉnh chất lượng hình ảnh.	
	001 Hiệu chỉnh sắc thái đen : cài AEREF.	DFU
	002 Hiệu chỉnh sắc thái đen : Tham số đầu ra của sắc thái.	DFU
	003 AE kỹ thuật số sắc thái đen : cài AEREF.	DFU
	004 AE kỹ thuật số sắc thái đen : Hạn chế dưới.	DFU
	010 Điều chỉnh đậm ảnh	

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	scan : Mode Text.	
011	Điều chỉnh đậm ảnh scan : Mode photo.	
012	Điều chỉnh đậm ảnh scan : Mode Text/photo.	Chuyển mật độ tham số của mặt trước ảnh scan được (SBU) và MTF [0 ~ 3/0/1].
013	Điều chỉnh đậm ảnh scan : Mode Pale	0 : Danh định. 1 : Mức thấp .
014	Điều chỉnh đậm ảnh scan : Mode Generation.	2 : Mức trung bình. 3 : Mức cao
019	Điều chỉnh đậm ảnh scan : Select Mode	
4903	Điều chỉnh chất lượng hình ảnh.	
001	Text mode 25~55%	Điều chỉnh sắc thái và độ mịn của quá trình tạo ảnh trong Text mode. [0 ~ 10/5/1].
002	Text mode 55.5~75%	0 : Softest.
003	Text mode 75.5~160%	1 : Soft mode - Chế độ mịn 2 : ↑
004	Text mode 160.5~400%	3 : ↑ 4 : ↑ 5 : Normal 6 : ↓ 7 : ↓ 8 : ↓
005	Độ mịn trong Photo mode 25 ~ 55%	9 : Sharp mode - Chế độ sắc thái 10 : Sharpest.
006	Độ mịn trong Photo mode	Điều chỉnh sắc thái và độ mịn của quá trình tạo ảnh trong photo mode cùng với độ mịn. [0 ~ 6/3/1]. 0 : Softest - Độ mịn. 1 : ↑

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	55.5 ~ 75%	2 : ↑
007	Độ mịn trong Photo mode 75.5 ~ 160.0%	3 : Chế độ in gốc. 4 : ↓ 5 : ↓
008	Độ mịn trong Photo mode 160.5 ~ 400.0%	6 : Sharpest - sắc thái.
009	Lỗi trong Photo mode. Độ khuếch đại : 25 ~ 55%	Điều chỉnh sắc thái và độ mịn của quá trình tạo ảnh trong photo mode cùng với lỗi của độ khuếch đại.
010	Lỗi trong Photo mode. Độ khuếch đại : 55.5 ~ 75%	[0 ~ 6/1/1]. 0 : Softest - Độ mịn. 1 : Mặc định.
011	Lỗi trong Photo mode. Độ khuếch đại : 75 ~ 160%	2 : ↑ 3 : ↑ 4 : ↑
012	Lỗi trong Photo mode. Độ khuếch đại : 160.5 ~ 400.0%	5 : Chế độ in gốc 6 : Sharpest - sắc thái.
013	Text/photo mode 25~55%	Điều chỉnh sắc thái và độ mịn của quá trình tạo ảnh trong Text/photo mode.
014	Text/photo mode 55.5~75%	[0 ~ 10/5/1]. 0 : Softest.
015	Text/photo mode 75.5~160%	1 : Soft mode - Chế độ mịn 2 : ↑ 3 : ↑ 4 : ↑
016	Text/photo mode 160.5~400%	5 : Normal 6 : ↓ 7 : ↓ 8 : ↓ 9 : Sharp mode - Chế độ sắc thái 10 : Sharpest.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
4903	017	Chế độ làm nhạt đi 25% ~ 55.0%	Điều chỉnh độ sắc nét và làm mịn bề mặt của ảnh trong chế độ làm nhạt đi. [0 ~ 10/5/1]
	018	Chế độ làm nhạt đi 55.5% ~ 75.0%	0 : rất mịn ảnh. 1 : Mịn ảnh. 2 : ↑
	019	Chế độ làm nhạt đi 75% ~ 160%	3 : ↑ 4 : ↑ 5 : Normal
	020	Chế độ làm nhạt đi 165% ~ 400.0%	6 : ↓ 7 : ↓ 8 : ↓ 9 : Sắc nét. 10 : Rất sắc nét.
	021	Generation Mode. 25% ~ 55.0%	Điều chỉnh độ sắc nét và làm mịn bề mặt của ảnh trong chế độ Generation. [0 ~ 10/5/1]
	022	Generation Mode. 55.5% ~ 75.0%	0 : rất mịn ảnh. 1 : Mịn ảnh. 2 : ↑
	023	Generation Mode 75% ~ 160%	3 : ↑ 4 : ↑ 5 : Normal
	024	Generation Mode 165% ~ 400.0%	6 : ↓ 7 : ↓ 8 : ↓ 9 : Sắc nét. 10 : Rất sắc nét.
	060	Xoá điểm độc lập trong Text mode.	Cài đặt mức xoá điểm độc lập . [0 ~ 14/0/1]
	061	Xoá điểm độc lập trong photo mode.	0 : OFF Cài đặt số lớn hiệu quả xoá tăng.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
4903	062	Xoá điểm độc lập trong Text/photo mode.	
	063	Xoá điểm độc lập trong Pale mode.	
	064	Xoá điểm độc lập trong Generation mode.	
	070	Xoá nền trong : Text Mode.	Cài đặt mức xóa nền . [0 ~ 14/0/1]
	071	Xoá nền trong : Photo Mode.	0 : OFF Cài đặt số lớn hiệu quả xóa tăng.
	072	Xoá nền trong : Text/Photo Mode.	
	073	Xoá nền trong : Pale Mode.	
	074	Xoá nền trong : Generation Mode.	
	080	Hiệu chỉnh độ rộng của dòng kẻ : Lựa chọn Text mode.	Lựa chọn mức hiệu chỉnh dòng kẻ cho Text mode. [0 ~ 8/1/1]. Khi tăng tham số dòng kẻ đậm lên.
	081	Hiệu chỉnh dòng kẻ : Text mode (main scan)	Bật hiệu chỉnh dòng kẻ của scan chính trực tiếp trong text mode. 0 : Hiệu chỉnh dòng kẻ OFF. 1 : Hiệu chỉnh dòng kẻ ON.
	082	Hiệu chỉnh dòng kẻ : Text mode (Sub scan)	Bật hiệu chỉnh dòng kẻ của scan phụ trực tiếp trong text mode. 0 : Hiệu chỉnh dòng kẻ OFF. 1 : Hiệu chỉnh dòng kẻ ON.
	083	Hiệu chỉnh độ rộng của dòng kẻ : Lựa chọn cho Photo mode.	Lựa chọn mức hiệu chỉnh dòng kẻ cho Photo mode. [0 ~ 8/1/1]. Khi tăng tham số dòng kẻ đậm lên.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	084 Hiệu chỉnh dòng kẻ : Photo mode (main scan)	Bật hiệu chỉnh dòng kẻ của scan chính trực tiếp trong photo mode. 0 : Hiệu chỉnh dòng kẻ OFF. 1 : Hiệu chỉnh dòng kẻ ON.
	085 Hiệu chỉnh độ rộng của dòng kẻ : Lựa chọn cho Photo mode (Sub scan).	Lựa chọn mức hiệu chỉnh dòng kẻ cho scan phụ trực tiếp trong Photo mode. [0 ~ 8/1/1]. Khi tăng tham số dòng kẻ đậm lên.
	086 Hiệu chỉnh độ rộng của dòng kẻ : Lựa chọn cho Text/ Photo mode (Sub scan).	Lựa chọn mức hiệu chỉnh dòng kẻ cho scan phụ trực tiếp trong Text/Photo mode. [0 ~ 8/1/1]. Khi tăng tham số dòng kẻ đậm lên.
	087 Hiệu chỉnh dòng kẻ : Text/Photo mode (main scan)	Bật hiệu chỉnh dòng kẻ của scan chính trực tiếp trong Text/photo mode. 0 : Hiệu chỉnh dòng kẻ OFF. 1 : Hiệu chỉnh dòng kẻ ON.
	088 Hiệu chỉnh dòng kẻ : Text/Photo mode (Sub scan)	Bật hiệu chỉnh dòng kẻ của scan phụ trực tiếp trong Tuxt/photo mode. 0 : Hiệu chỉnh dòng kẻ OFF. 1 : Hiệu chỉnh dòng kẻ ON.
	089 Hiệu chỉnh độ rộng của dòng kẻ : Lựa chọn cho Pale mode.	Lựa chọn mức hiệu chỉnh dòng kẻ cho Pale mode. [0 ~ 8/1/1]. Khi tăng tham số dòng kẻ đậm lên.
	090 Hiệu chỉnh dòng kẻ : Pale mode (main scan)	Bật hiệu chỉnh dòng kẻ của scan chính trực tiếp trong pale mode. 0 : Hiệu chỉnh dòng kẻ OFF. 1 : Hiệu chỉnh dòng kẻ ON.
	091 Hiệu chỉnh dòng kẻ : Pale mode (Sub scan)	Bật hiệu chỉnh dòng kẻ của scan phụ trực tiếp trong pale mode. 0 : Hiệu chỉnh dòng kẻ OFF. 1 : Hiệu chỉnh dòng kẻ ON.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	092	Hiệu chỉnh độ rộng của dòng kẻ : Lựa chọn cho Generation mode.
	093	Hiệu chỉnh dòng kẻ : Generation mode (main scan)
	094	Hiệu chỉnh dòng kẻ : Generation mode (Sub scan)
4904	Chất lượng hình ảnh và	Quét dòng kẻ mảnh.
	002	Cài đặt gia công ảnh : Photo mode.
	020	Text mode
	021	Photo mode.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	022	Text/photo mode.	Chọn mức hiệu chỉnh độ rộng dòng kẻ trong text/photo mode. [0 ~ 3/0/1]. 0 : không thực hiện. 1 : Mức Thấp (Mảnh). 2 : Mức Trung bình (đậm hơn). 3 : Mức cao (Rất đậm).
	023	Pale mode.	Chọn mức hiệu chỉnh độ rộng dòng kẻ trong pale mode. [0 ~ 3/0/1]. 0 : không thực hiện. 1 : Mức Thấp (Mảnh). 2 : Mức Trung bình (đậm hơn). 3 : Mức cao (Rất đậm).
	024	Generation mode.	Chọn mức hiệu chỉnh độ rộng dòng kẻ trong Generation mode. [0 ~ 3/0/1]. 0 : không thực hiện. 1 : Mức Thấp (Mảnh). 2 : Mức Trung bình (đậm hơn). 3 : Mức cao (Rất đậm).
4909	Chỉnh sửa ảnh từ đầu đến cuối		
	001	Khối IPU mặt trước của ảnh.	DFU.
	002	Khối IPU mặt sau của ảnh.	
	003	Khối IPU vẽ ảnh.	

2.2.5. SP5 - xxx Cài đặt tính năng.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
5024	Lựa chọn hiển thị mm/inch	Cài đặt đơn vị đo kích thước. Sau khi cài đặt xong phải tắt máy bật lại. 1 : inch. 0 : mm.
5037	Nhận dạng việc kích hoạt đèn.	Có thể hoặc không thể kích hoạt đèn chức năng ở mặt bàn điều khiển. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không thể. 1 : Có thể.
5047	Hiển thị quá trình đảo mặt giấy.	Trong khoảng thời gian xác định giấy được kéo lên để in nó sẽ hiển thị mặt thứ nhất. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không hiển thị. 1 : Hiển thị.
5104	Bộ đếm đếm đúp khi in giấy A3.	Khi cài đặt tính năng này in A3 bộ đếm sẽ đếm 2 số. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không cài. 1 : Cài tính năng A3 đếm 2 số.
5106	Mức mật độ ảnh tự động.	Lựa chọn mức mật độ ảnh dùng trong ADS mode , trong chế độ này giá trị tham số mức được áp đặt vào trung tâm điều chỉnh mức. [0 ~ 7/4/1 step/notch].
5112	Lựa chọn giấy không tiêu chuẩn.	Giấy có khổ giấy không tiêu chuẩn được đưa vào khay (Khay2 và 3). [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không cài đặt. 1 : Có cài đặt . Đưa giấy không tiêu chuẩn vào khay sau đó khách hàng sử dụng UP mode.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
5113	Các kiểu bộ đếm chọn thêm.	Cài đặt cho các bộ đếm chọn thêm. 0 : Không cài. 1 : Khoá card.(Chỉ dùng ở Nhật) 2 : Khoá Card (Đếm lùi). 3 : Pre-paid Card. 4 : Khoá mở bằng tiền . 5 : MF key Card. 6 : Không sử dụng. 7 : Không sử dụng. 8 : Khoá bộ đếm. 9 : Mã khoá in.
5118	Cài đặt tạm ngừng hoạt động máy copier.	Tạm ngừng hoạt động của máy copier.(Chỉ dùng ở nhật). [0 ~ 1/0/1]. 0 : Máy hoạt động bình thường. 1 : Máy tạm ngừng hoạt động.
5120	Xoá sự cài đặt cho các bộ đếm chọn thêm.	Không thực hiện mã này đối với máy ở Nhật Bản. [0 ~ 2/0/1]. 0 : Xoá bình thường. 1 : Xoá trước khi khởi động công việc koặc sau khi đã cài đặt song. 2 : Xoá không bình thường.
5121	Cài thời điểm đếm của bộ đếm.	Có thể lựa chọn bộ đếm đếm ở thời điểm kéo giấy từ khay hoặc bộ đếm ở thời điểm giấy ra khỏi máy. Chỉ sử dụng ở Nhật Bản. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Cài đếm ở thời điểm kéo giấy. 1 : Không cài đặt.
5127	Tắt mode APS.	Mã này để tắt chế độ tự động chọn giấy. Khi lắp Pre-Paid Card bắt buộc phải OFF. [0 ~ 1/0/1]. 0 : ON. 1 : OFF.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
5128	Chế độ copy trong Key/Card (Option).	Chỉ có ở Nhật Bản.
5131	Cài đặt chọn khổ giấy theo các tiêu chuẩn.	Lựa chọn khổ giấy tiêu chuẩn của các quốc gia. [0 ~ 2/0/1]. 0 : Nhật bản. 1 : Bắc Mỹ. 2 : Châu âu. Sau khi cài đặt xong phải tắt máy bật lại.
5141	Cài in giấy đề can cho các khay.	
	001 Khay tay.	Lựa chọn khay có in nhãn mác , đề can hay không. [0 ~ 1/0/1]. 0 : OFF. 1 : ON.
	002 Khay 1.	
	003 Khay 2.	
	004 Khay 3.	
	005 Khay 4.(Nhật)	
	006 Khay 5 (LCT)	
	011 Cài chiều cao giấy in nhãn đặt vào khay tay.	Đặt chiều cao giấy in đề can đặt vào trong các khay. [0 ~152/130/0.1mm]. 130 x 0.1 = 13mm.
	012 Cài chiều cao giấy in nhãn đặt vào khay 1.	
	013 Cài chiều cao giấy in nhãn đặt vào khay 2.	
	014 Cài chiều cao giấy in nhãn đặt vào khay 3.	
	015 Cài chiều cao giấy in nhãn đặt vào khay 4.	
	016 Cài chiều cao giấy in nhãn đặt vào	

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.		
	khay 5.			
5145	Cài đặt giấy dày cho khay.			
	001	Khay tay.	Cài đặt giấy dày cho khay. [0 ~ 1/0/1]. 0 : OFF. 1 : ON.	
	002	Khay 1.		
	003	Khay 2.		
	004	Khay 3.		
	005	Khay 4.(Nhật)		
	006	Khay 5 (LCT)		
5146	Cài đặt giấy cho chế độ in.			
	001	Khay tay.	Cài đặt giấy cho khay khi in Overlay. [0 ~ 1/0/1]. 0 : OFF. 1 : ON.	
	002	Khay 1.		
	003	Khay 2.		
	004	Khay 3.		
	005	Khay 4.(Nhật)		
	006	Khay 5 (LCT)		
	011	Khay tay.	Cài đặt vị trí của đầu khổ giấy Letter trong khay. [0 ~ 3/1/1]. 0 : 0°. 1 : 90°. 2 : 180°. 3 : 270°.	
	012	Khay 1.		
	013	Khay 2.		
	014	Khay 3.		
	015	Khay 4.(Nhật)		
	016	Khay 5 (LCT)		
	021	Khay tay.		Có thể cài đặt cho 011 ~ 016 hoặc 001 ~ 006. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Có thể cài cho 011 ~ 016. 1 : Có thể cài cho 001 ~ 006.
	022	Khay 1.		
	023	Khay 2.		
	024	Khay 3.		
	025	Khay 4.(Nhật)		
	026	Khay 5 (LCT)		
	5147	Cài đực lỗ giấy cho các khay.		
		001	Khay tay.	Cài đặt các khay có thể thực hiện đực lỗ giấy trong khay.
		002	Khay 1.	

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	003	Khay 2.	[0 ~ 1/0/1].
	004	Khay 3.	0 : OFF.
	005	Khay 4.(Nhật)	1 : ON.
	006	Khay 5 (LCT)	
	011	Khay tay.	Cài đặt vị trí lỗ đục cho giấy trong khay.
	012	Khay 1.	[0 ~ 3/0/1].
	013	Khay 2.	0 : Bên trái.
	014	Khay 3.	1 : Bên phải.
	015	Khay 4.(Nhật)	2 : Phía trên.
	016	Khay 5 (LCT)	3 : Phía dưới.
5150	Cài đặt khổ rộng (chiều dài) của giấy trong khay tay.		Cài đặt chiều dài giấy cho khay tay. [0 ~ 1/0/1]. 0 : OFF. 1 : Khay tay có thể kéo giấy có chiều dài tới 600mm.
5154	Cài đặt khay giấy đầu ra.		
	001	Không khống chế giấy đầu ra.	Cài đặt không khống chế giấy ở khay đầu ra. [0 ~ 1/0/1]. 0 : OFF. 1 : ON. Khay đầu ra chứa giấy cho tới khi sensor báo đầy khay.
	002	Cài đặt chế độ cho SP5154-001.	Cài đặt chế độ cho SP5154-001. [0 ~ 1/0/1]. 0 : OFF. SP5154-001 không cài được. 1 : ON. SP5154-001 có thể cài đặt được.
5212	Cài vị trí đánh số trang.		
	003	Vị trí Trái/Phải của số trang khi in hai mặt.	Vị trí ngang của số trang của cả hai mặt khi in ra. [-10 ~ +10/0/1mm]. 0 : ở giữa , (-) dịch sang trái, (+) dịch sang phải.
	004	Vị trí Cao/Thấp	Vị trí Dọc của số trang của cả hai mặt khi in ra.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
		của số trang khi in hai mặt.	[-10 ~ +10/0/1mm]. 0 : ở giữa , (-) dịch xuống dưới, (+) dịch lên trên.
5302	Cài đặt thời gian.		Cài đặt giờ địa phương cho đồng hồ. [-1440 ~ +1440/540/1phút].
5404	Xoá bộ đếm của mã		Password.
	001	Xoá bộ đếm cho Mã sử dụng của khách hàng.	Xoá bộ đếm thực hiện bằng cách nhấn phím (#).
5501	Cài đặt mức chuông báo bảo trì.		Cài đặt chuông báo tới hạn bảo trì kiểm tra máy. [0 ~ 255/0/1]. 0 : Không báo chuông. Chuông sẽ tắt sau một số bản in phụ thuộc vào tham số cài đặt.
5504	Kẹt giấy báo chuông.		
	001	Mức chuông khi kẹt giấy.	Chức năng RSS chỉ có ở Nhật Bản.
	002	Tự động gọi khi kẹt giấy.	
5505	Báo chuông khi máy lỗi		Chỉ có ở Nhật Bản.
5507	Báo chuông khi hết vật tư		tiêu hao. Chỉ có ở Nhật bản.
	001	Chuông gọi hết giấy.	Có thể chọn hoặc không chọn chức năng này. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không chọn. 1 : Chọn.
	002	Chuông gọi hết ghim.	Có thể chọn hoặc không chọn chức năng này. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không chọn. 1 : Chọn.
	003	Chuông gọi hết	Có thể chọn hoặc không chọn chức năng

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
		mực.	này. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không chọn. 1 : Chọn.
	128	Giấy khổ Other.	Cài đặt báo hết các khổ giấy cho mã SP5507-001. [0025 ~ 10.000/1000/1].
	132	Giấy khổ A3.	
	134	Giấy khổ A4.	
	141	Giấy khổ A5.	
	142	Giấy khổ B4.	
	160	Giấy khổ B5.	
	164	Giấy khổ DLT.	
	166	Giấy khổ LT.	
	172	Giấy khổ HLT.	
5508	Cài đặt tự động gọi.		(Chỉ sử dụng ở Nhật Bản).
	001	Gọi khi kẹt giấy.	Có thể cài đặt gọi hoặc không gọi khi máy kẹt giấy. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Gọi. 1 : Không gọi.
	002	Gọi khi máy kẹt giấy liên tục.	Có thể cài đặt gọi hoặc không gọi khi máy kẹt giấy liên tục. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Gọi. 1 : Không gọi.
	003	Gọi khi cửa mở liên tục.	Có thể cài đặt gọi hoặc không gọi khi máy cửa bị mở liên tục. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Gọi. 1 : Không gọi.
	004	Chế độ gọi Chậm.	Có thể cài đặt gọi hoặc không gọi sau khi máy gập số lần lỗi thông thường nhất định. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Gọi. 1 : Không gọi.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	011 Nhận kẹt giấy trong thời gian dài.	Cài đặt thời gian máy bị kẹt giấy làm điều kiện để thực hiện SP5508-004. [03 ~ 30/10/1].
	012 Cài đặt số lần kẹt giấy.	Cài đặt số lần máy bị kẹt giấy làm điều kiện để thực hiện SP5508-004. [02 ~ 10/5/1].
	013 Cài đặt thời gian mở cửa.	Cài đặt thời gian máy bị mở cửa làm điều kiện để thực hiện SP5508-004. [03 ~ 30/10/1].
	021 Thời gian của một lần kẹt giấy.	Cài đặt khi máy bị kẹt giấy sau khoảng thời gian cho phép không có người lấy ra máy sẽ báo về trung tâm dịch vụ. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Tự động gọi. 1 : Máy cảnh báo có thể nghe rõ.
	022 Kẹt giấy liên tục.	Cài đặt chế độ tự động gọi khi kẹt giấy liên tục. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Tự động gọi. 1 : Máy cảnh báo có thể nghe rõ.
	023 Thời gian mở cửa.	Cài đặt chế độ tự động gọi khi cửa bị mở quá lâu. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Tự động gọi. 1 : Máy cảnh báo có thể nghe rõ.
5513	Báo chuông khi hết tuổi thọ vật tư.(Chỉ có ở Nhật).	
	001 Bình thường.	Cài đặt bộ đếm tuổi thọ các vật tư khi copy đạt số bản đã đặt máy sẽ báo chuông. [1 ~ 999/300/1K].
	002 DF	Cài đặt bộ đếm tuổi thọ các vật tư khi Scan đạt số bản đã đặt máy sẽ báo





Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			chuông. [1 ~ 999/300/1K]
5514	Cài mức báo chuông hết tuổi thọ vật tư. (Chỉ có ở Nhật)		
	001	Bình thường.	
	002	DF	
5801	Xoá bộ nhớ.		Xoá toàn bộ bộ nhớ của NVRAM.
	001	Xoá toàn bộ.	Sau khi xoá phải thực hiện lại mã SP002-0105.
	002	Xoá phân cài đặt.	
	003	SCS.	
	004	Xoá bộ nhớ IMH.	
	005	MCS	
	006	Xoá bộ đếm copy .	
	007	Xoá bộ đếm Fax.	
	008	Xoá bộ đếm in	
	009	Xoá bộ đếm scan.	
	010	Xoá cài đặt mạng.	
	011	NCS	
	014	Xoá cài đặt DCS	
	015	Xoá cài đặt UCS	
5802	Cài đặt chạy không tải phần in.		Cài đặt chạy phần in không tải. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không chạy. 1 : Có thể chạy.
5803	Kiểm tra tín hiệu đầu vào.		
5804	Kiểm tra tín hiệu đầu ra.		
5807	Kiểm tra kết nối của các bộ		chọn thêm.
	001	ADF (1: kết nối)	Hiển thị 0 và 1 .
	002	Bank (1 : Kết nối).	0 : Không kết nối.
	003	LCT (1: Kết nối).	1 : Kết nối.
	004	Finisher (1: kết	

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
		nổi).	
5811	Cài đặt No số máy		Vào cài đặt số No của máy.DFU
5812	Cài đặt số điện thoại của		trung tâm dịch vụ.
	001	Dịch vụ	Ghi số điện thoại của trung tâm dịch vụ. sử dụng các phím số và :  : Bấm nhớ và tạm dừng.  : Xoá số hoặc xem số.
	002	Fax	Ghi số Fax của trung tâm dịch vụ. sử dụng các phím số và :  : Bấm nhớ và tạm dừng.  : Xoá số hoặc xem số.
	003	Supply	Hiển thị trên màn hình ban đầu.
	004	Operation	Cho phép hiển thị trung tâm dịch vụ và số điện thoại trên màn hiển thị ban đầu.
5816	Chức năng CSS		Có thể cài ON/OFF chức năng CSS (chỉ sử dụng ở Nhật). [0 ~ 1/0/1].
5821	Mã của phương pháp CSS-Pi		Không thay đổi. Chỉ sử dụng ở Nhật. [0 ~ 4/0/1].
5824	Upload tham số của NVRAM		Tham số của NVRAM được gửi tới thẻ nhớ. Bằng cách bấm START. Trong thời gian upload bắt buộc phải mở cửa trước.
5825	Download tham số cho NVRAM.		Tham số từ thẻ nhớ được gửi vào NVRAM của máy. Sau khi download xong phải tháo thẻ nhớ và tắt máy bật lại.
5828	Cài đặt mạng.		
	012	Đặt tên.	Sử dụng SPs để cài đặt mạng.
	074	Xoá mã bảo mật.	
	075	DNS của Sever đến DHCP.	
	076	DNS Sever 1.	

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	077	DNS Sever 2.
	078	DNS Sever 3.
	079	Domain name (Ethernet)
	080	Host name (Ethernet)
5831	Xoá tham số cài đặt.	Khi nhấn phím "Execute" sẽ xoá toàn bộ các phần cài đặt và đưa các tham số trở về giá trị mặc định của nhà máy.
5832	HDD Formating .	
	001	Format toàn bộ HDD
	002	Format IMH HDD.
	003	Format HDD trong phạm vi hẹp.
	004	Format những tác vụ được ghi vào HDD.
	005	Format thông tin của HDD.
	006	Format HDD (user info. 1)
	007	Format HDD (user info. 2)
	008	Format bộ chứa scan của HDD
		Thực hiện vào SP mode sau đó nhấn phím (#) máy thực hiện format HDD. Sau khi kết thúc chu kỳ Format phải tắt máy bật lại.
5832	HDD Formating .	
	009	HDD formating. (data for design)
	011	HDD formating . (Debug).
		Format tham số của thiết kế.
		Format để gỡ lỗi.
5833	Cài đặt Tác vụ ghi nhớ	Những công việc ghi nhớ trong khoảng thời gian xác định sẽ gửi tới phần mềm

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
	On/OFF.	của Sever.(Chỉ sử dụng ở Nhật). [0/1]. 0 : không gửi tới Sever. 1 : Gửi tới sever.	
5836	Lệnh lưu giữ chức năng.		
	001	Lưu giữ chức năng.	Nếu cài đặt ở "Disable" tính năng có thể mất , nếu cài đặt Về "Enable" nó sẽ không mất thông số đầu , không mất hiển thị hoặc các chọn lựa của chức năng. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Disable - không thể lưu giữ. 1 : Enable - Có thể lưu giữ.
	002	Cài đặt Panel.	Mỗi lệnh cài lưu giữ xác định cần phải được lựa chọn hoặc updat từ hệ thống điều khiển của màn hình. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Không thể. 1 : Có thể.
	061	Gửi lại file lưu giữ.	File có thể lấy từ trên mạng về. tài liệu được lưu giữ trên mạng khi cần sẽ lấy về máy (0). [0 ~ 1/0/1].
5839	IEE 1394		SP này dùng để cài đặt và hiển thị card IEE1394.
	004	Tên thiết bị.	Cài đặt tên thiết bị để sử dụng trên mạng. Ví dụ : RNP0000000000.
	007	Chu kỳ điều khiển.	Cài đặt có hoặc không có chu kỳ điều khiển chức năng của bộ 1394 tiêu chuẩn. [0 ~ 1/0/1]. 0 : OFF. 1 : ON.
	008	Chế độ BCR. (Broadcast Channel Register -	Phương pháp xác định BCR thực hiện cho bộ 1394 tiêu chuẩn vào lúc giao điểm độc lập trong chế độ IRM. (NVRAM : 2- bit).

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
		Bản ghi trên kênh thông dụng)	(Khoảng cài đặt nhị phân : 0 ~ 3). 00 : OFF. Viết đến IRM. 01 : Copy BCR của IRM sau khi không còn tham số viết từ IRM sau khoảng thời gian qui định. 10 : Riêng biệt - Không sử dụng. 11 : Không thể thực hiện BCR bình thường.
	009	Kiểm tra 1394a.	Kiểm tra 1394a của IRM vào lúc giao điểm độc lập trong chế độ IRM. 0 : Kiểm tra từ IRM tới 1394a. 1 : Sau khi kiểm tra IRM không kết nối tới 1394a.
	010	ID duy nhất.	Danh mục ID được ấn định trong hệ thống quản lý. [0 ~ 1/1/1]. 0 : Không ấn định danh mục ID. 1 : ấn định danh mục ID trong hệ thống quản lý.
	011	Thoát ra - Logout.	sử dụng câu hỏi khi đăng nhập của người khởi tạo đăng nhập cho SBP-2 (1 bit). [0 ~ 1/1/1]. 0 : Không thể đăng nhập. 1 : Có thể đăng nhập.
	012	Đăng nhập - Login.	Cài đặt có thể hoặc không thể loại bỏ sự đăng nhập (SBP-2). [0 ~ 1/1/1]. 0 : Không thể loại trừ sự đăng nhập. 1 : Có thể loại trừ sự đăng nhập.
	013	Đăng nhập MAX.	Cài đặt số lớn nhất của login từ người khởi tạo (6-bit). [0 ~ 63/8/1]. 0 : Dành riêng. 63 : Dành riêng.
5840	IEEE 802.11b		
	004	SSID	Vào một ID duy nhất (Dài tới 32 ký tự)

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		dùng để nhận dạng mở các vùng mạng LAN kết nối không dây khác.
006	Kênh MAX	Cài đặt dải lớn nhất của băng thông rộng mạng LAN không dây. Băng thông rộng được cài đặt cho các quốc gia khác nhau. [0 ~ 14/14/1].
007	Kênh MIN	Cài đặt dải nhỏ nhất của băng thông rộng mạng LAN không dây. Băng thông rộng được cài đặt cho các quốc gia khác nhau. [0 ~ 14/14/1].
010	WEP key.	Tính chất bảo mật của mạng LAN không giây, Đường truyền riêng biệt (WEP) nó được mã hoá bởi hệ thống kiểu bảo vệ tham số truyền dẫn không dây. Để vào trang (WEP) cần phải nhập mã khoá tương đương như mã của người khởi tạo đầu tiên. WEP quản lý cả hai chế độ hồng ngoại và không dây. Khoảng cài đặt : 0 ~ 3. 00 : Khoá thứ nhất. 01 : Khoá thứ hai (Riêng biệt). 10 : Khoá thứ ba (Riêng biệt). 11 : Khoá thứ tư (Riêng biệt).
011	WEP key select.	Người đầu tiên theo một phương pháp xác định (SBP-2) để ứng dụng việc người tiếp theo muốn đăng nhập phải trả lời câu hỏi. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Đăng nhập sai so với khởi tạo máy từ chối đăng nhập, trường hợp này phải đăng nhập lại. 1 : Đăng nhập sai so với khởi tạo máy từ chối đăng nhập và thoát ra luôn.
020	WEP Mode.	Cài đặt chế độ thực hiện xác định của

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			WEP key. [0 ~ 1/0/1]. 0 : Lớn nhất 64-bit (10ký tự). 1 : Lớn nhất 128- bit(10 ~ 26 ký tự)
5841	Cài đặt tên nhà cung cấp.		Nhấn phím "User tool" sau đó dùng phím trên màn hình User tool để điền tên.
	001	Cung cấp mực đen.	Ghi tên của nhà cung cấp mực đen.
	005	Cung cấp ghim tiêu chuẩn.	Ghi tên của nhà cung cấp ghim tiêu chuẩn.
	006	Cung cấp ghim đóng sách.	Ghi tên của nhà cung cấp ghim đóng sách.
	007	Cung cấp bộ đóng dấu bản gốc.	Nhật bản cung cấp.
5842	001	Cài chế độ phân tích file của mạng.	Bit SW 0011 1111.
5844	USB		
	001	Tốc độ truyền dẫn.	Cài đặt tốc độ truyền dẫn tham số của USB. Full speed. high speed/Full Speed.
	002	Cài đặt nhận dạng nhà phân phối.(ID)	Cài đặt nhà phân phối (ID) : Cài đặt ban đầu : 0x05A Ricoh copany. [0x0000~0xFFFF/0x05A/1] DFU.
	003	Cài đặt nhận dạng sản phẩm (ID)	Cài ID sản phẩm. [0x0000~0xFFFF/0x0403/1] DFU.
	004	Phương pháp cài No.	Phương pháp cài No của hiển thị BCD (Binary code decimal). Vào số decimal . NCS sẽ chuyển thành số Haxadecimal và nhớ ở BCD.
5845	Cung cấp thông tin của máy chủ.		Cài đặt cung cấp thông tin của máy chủ.
	001	FPT port No.	[0~65535/3670/1]
	002	Địa chỉ IP.	[0~FFFFFFFF/0x00/1]
	003	Thử lại.	[60~900/300/1]
	004	Số của phép thử.	[0~99/3/1]

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	005	Cài đặt địa chỉ IP ở máy chủ. [0~0xFFFFFFFF]
	006	Hiển thị thời gian lỗi. [0~999/1/1]
	007	Chọn thêm. [0~1/0/1]
5846	Cài UCS.	
	001	ID của máy (Máy chủ) Hiển thị duy nhất một ID của máy chủ. Tham số này chỉ hiển thị và không thay đổi được. ID này được tạo ra từ NIC MAC hoặc IEEE 1394 EU. ID hiển thị 6 - byte hoặc 8-byte. 6-byte: %02X.%02X.%02X.%02X.%02X.%02X 8-byte: %02X.%02X.%02X.%02X.%02X.%02X.%02X.%02X.
	002	Xoá ID của máy. (Máy chủ) Xoá ID duy nhất của tên người sử dụng máy trong File danh mục truyền. Thực hiện vào SP để kết nối máy với máy chủ và thực hiện thay đổi . Sau khi xoá ID cũ thực hiện thiết lập ID mới. Khi kết thúc chu kỳ thay đổi máy sẽ tự động tắt máy và khởi động lại.
	003	Dài nhất của mã cho người sử dụng. Cài đặt số nhiều nhất cho mã người sử dụng UCS. [2000 ~ 50000/2000/1]
	004	Chế độ của máy chủ Chuyển chế độ của máy chủ. [0~4/0/1]. 0 : Không sử dụng. 1 : SG1 Riêng biệt. 2 : SG1 Bó lệnh. 3 : SG2 Riêng biệt. 4 : SG2 Bó lệnh.
	005	Chuyển chức năng của máy chủ. Thay đổi chức năng của máy chủ. Bit 7 = 1 Lỗi chỉ dẫn của thông tin.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			Bit 6 = 1 Có thể vào trực tiếp địa chỉ. Bit 5 = 1 Có thể nhận được Mail Rx. Bit 4 = 1 Tự động update danh mục địa chỉ, Bit 3 = 1 Chức năng FAX Rx.
	006	Thời gian thử lại máy chủ.	Cài đặt khoảng thời gian thử lại máy chủ khi lỗi từ danh sách địa chỉ của máy chủ. [0 ~ 255/0/1s] 0 : Không cài đặt.
	007	Cài đặt số lần thử lại máy chủ	Cài đặt số lần thử lại máy chủ khi lỗi từ danh sách địa chỉ của máy chủ. [0 ~ 255/0/1]
	050	UCS setting . Xoá toàn bộ danh mục thông tin.	Xoá toàn bộ thông tin quản lý của UCS.
5847	Tỷ lệ trong file quản lý.		Chuyển cài đặt về mặc định, tham số của ảnh truyền ra ngoài file quản lý để thực hiện chức năng. [0 ~ 2] 0 : 1x. 1 : 1/2x. 2 : 1/4x.
	001	Copy : màu	[0 ~ 2/2/1]
	002	Copy : Trắng đen dạng văn bản.	[0 ~ 2/0/1]
	003	Copy : Trắng đen khác.	[0 ~ 2/2/1]
	004	in : Màu.	[0 ~ 2/2/1]
	005	in : Trắng đen dạng văn bản.	[0 ~ 2/0/1]
	006	In : Trắng đen khác.	[0 ~ 2/2/1]
5848	Chất lượng mặc định của trang file cho JPEG.		Lựa chọn việc cài đặt mặc định chất lượng của tham số JPEG file được chuyển ra khỏi trang file để thực hiện chức năng. [5 ~ 95/50/1]

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
5849	Xoá bộ đếm ngày.	Xoá tham số nhập vào máy. DFU	
5850	Danh mục địa chỉ chức	Năng.	
	001	Chế độ chuyển mạch.	Chọn chế độ quản lý thông tin. [0 ~ 1/1/1] 0 : SCS. 1 : UCS.
5852	002	Lựa chọn tiêu đề,	Lựa chọn tiêu đề mặc định của danh sách địa chỉ. [2 ~ 4/3/1] 2 : Tiêu đề 1. 3 : Tiêu đề 2. 4 : Tiêu đề 3.
	SMTP		Giao thức truyền Mail đơn giản. Giao thức này thực hiện kết nối internet MTAs chính (Message Transfer Agents - Tác nhân truyền tin).
5907	001	Tên máy chủ	Cài đặt tên máy chủ.
	002	Số cổng.	Cài đặt số cổng.
5913	Nhãn hiệu tiêu chuẩn của phân cứng / Tên model.	Cài đặt tên nhãn hiệu và tên sản phẩm theo tiêu chuẩn phân cứng trong Window. Thông tin sẽ được ghi vào NVRAM. Để đề phòng có thiếu sót NVRAM sẽ hiển thị lại một lần nữa. Sau khi lựa chọn nhấn phím "Original type" và phím "#" giữ một khoảng thời gian . Khi việc ghi nhận đã đồng bộ máy sẽ phát tiếng kêu .	
5913	Thời gian chuyển và được chấp nhận.	Cài đặt kéo dài thời gian giữ chậm tác dụng của các phím điều khiển trên màn hiển thị. [3 ~ 30/3/1s].	
5914	ứng dụng hiển thị bộ đếm.		Chọn hiển thị bộ đếm tổng trong Up mode.
	001	Bộ đếm in.	[0 ~ 1/0/1]
	003	Bộ đếm copy.	0 : Không hiển thị. 1 : Hiển thị.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.																				
5915	Nhận dạng bộ đếm cơ khí.	<p>Hiển thị bộ đếm cơ khí khi lắp nó vào máy. [0 ~ 2/0/1] 0 : Không nhận bộ đếm cơ khí. 1 : Nhận bộ đếm cơ khí. 2 : Không hiểu có bộ đếm cơ khí.</p>																				
5918	Bộ đếm giấy A3/DLT.	<p>Bấm giữ phím "Counter " một khoảng xác định hiển thị xác nhận bộ đếm : System initial setting → system manager setting → Counter. [0 ~ 1/0/1] 0 : Không hiển thị. 1 : Hiển thị. SP này hiển thị những bản A3 được đếm đúng của mã SP5104.</p>																				
5921	Cài đặt khoá Card.	<p>Không thể ứng dụng khoá Card ở ngoài nước Nhật. [0 ~ 1/0/1] 0 : Không có khoá card. 1 : Thực hiện bằng khoá Card.</p>																				
5959	Cài khổ giấy.																					
	001 Khay 1.	<p>Khay 1 - Khay kép. Khi yêu cầu cần hai khổ giấy : A4 LEF và LT LEF. Vào hiệu chỉnh số tương ứng với khổ giấy đưa vào trong khay 1 : A4 LEF : 5. LT LEF : 58. Khi lắp khay B475 để đặt khổ A3/DLT. Vào hiệu chỉnh số tương ứng với khổ giấy đặt vào trong khay B475 :</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Khổ giấy</th> <th style="text-align: center;">Số</th> <th style="text-align: center;">Khổ giấy</th> <th style="text-align: center;">Số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">A3 SEF</td> <td style="text-align: center;">132</td> <td style="text-align: center;">11" x 17"</td> <td style="text-align: center;">160</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">B4 SEF</td> <td style="text-align: center;">141</td> <td style="text-align: center;">8 1/2"x14" SEF</td> <td style="text-align: center;">167</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">A4 LEF</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">8 1/2"x11"LEF</td> <td style="text-align: center;">38</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">A4 SEF</td> <td style="text-align: center;">133</td> <td style="text-align: center;">8 1/2"x11"SEF</td> <td style="text-align: center;">166</td> </tr> </tbody> </table>	Khổ giấy	Số	Khổ giấy	Số	A3 SEF	132	11" x 17"	160	B4 SEF	141	8 1/2"x14" SEF	167	A4 LEF	5	8 1/2"x11"LEF	38	A4 SEF	133	8 1/2"x11"SEF	166
Khổ giấy	Số	Khổ giấy	Số																			
A3 SEF	132	11" x 17"	160																			
B4 SEF	141	8 1/2"x14" SEF	167																			
A4 LEF	5	8 1/2"x11"LEF	38																			
A4 SEF	133	8 1/2"x11"SEF	166																			

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	005 Khay 4 (LCT).	Yêu cầu thực hiện trên 3 khổ giấy. Vào hiệu chỉnh số tương ứng với khổ giấy đặt trong khay giấy LCT : A4 LEF : 5. B5 LEF : 14. LT LEF : 38. Khi lắp đặt khay B474. Khi hiệu chỉnh số tương ứng với khổ giấy đặt trong khay: A4 SEF : 133. B4 SEF : 141. LG SEF : 161.
	007 Bìa sách.	The Cover Interposer Tray B470 is provided with two arrays of paper size sensors to detect the paper size. However, some of the paper sizes may not be indicated correctly on the display panel. For more details, refer to the Cover Interposer Tray manual section "Paper Size Detection".
5974	Máy chủ của Nhật.	Chỉ sử dụng ở Nhật bản.
5990	In SMC.	In the SP mode, press Copy Window to move to the copy screen, select the paper size, then press Start. Select A4/LT (Sideways) or larger to ensure that all the information prints. Press SP Window to return to the SP mode, select the desired print, and press Execute.
	001 All SP Groups	
	002 All Data	
	003 UP Data	
	004 Login Data	
	005 Self-Diagnostic Report	
	007 NIB Summary	
	008 Net File Log	
	021 Copy UP Mode	
	022 Scanner SP Mode	
	023 Scanner UP Mode	

2.2.6. SP6 - xxx : Thiết bị ngoại vi.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
6006	Điều chỉnh đăng ký của ADF.		
	001	Đăng ký theo chiều ngang mặt thứ nhất của ADF.	Điều chỉnh đăng ký cạnh trái sang cạnh phải cho mặt 1 và mặt 2 của ADF. [- 3 ~ +3/0/0.1mm].
	002	Đăng ký theo chiều ngang mặt thứ hai của ADF.	
	003	Đăng ký theo chiều dọc mặt thứ nhất của ADF.	Điều chỉnh đăng ký theo chiều dọc cho mặt 1 và mặt 2 của ADF. [- 5 ~ +5/0/0.1mm].
	004	Đăng ký theo chiều dọc mặt thứ hai của ADF.	
	005	Điều chỉnh mặt 1 độ uốn cong bản gốc của ADF.	Điều chỉnh thời điểm hoạt động của Sensor/ trục tải giấy. Để tăng độ uốn cong cần tăng cao tham số. [- 3 ~ +3/0/0.1mm].
	006	Điều chỉnh mặt 2 độ uốn cong bản gốc của ADF.	Điều chỉnh thời điểm hoạt động của Sensor/ trục tải giấy. Để tăng độ uốn cong cần tăng cao tham số. [- 5 ~ +5/0/0.1mm].
	007	Xoá biên sau khi chạy qua ADF đối với mặt 1.	Điều chỉnh xoá biên sau khi chạy qua ADF của mặt 1 và mặt 2. [- 10 ~ +10/0/0.5mm].
	008	Xoá biên sau khi chạy qua ADF đối với mặt 2.	
6007	Kiểm tra tín hiệu đầu vào ADF.		Xem mục 2.1.6. trong tài liệu này.
	001	Nhóm 1	
	002	Nhóm 2	
	003	Nhóm 3	

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
6008	Kiểm tra tín hiệu đầu ra của ADF.	xem mục 2.1.7 trong tài liệu này.	
	001	Động cơ kéo giấy quay theo chiều thuận.	xem mục 2.1.7 trong tài liệu này.
	002	Động cơ kéo giấy quay theo chiều ngược.	
	003	Động cơ tải giấy quay theo chiều thuận.	
	004	Động cơ đầu ra quay theo chiều thuận.	
	005	Động cơ Pick-up quay theo chiều ngược	
	006	Động cơ nâng khay quay theo chiều nâng.	
	007	Động cơ nâng khay quay theo chiều hạ.	
6009	Chạy không tải ADF.	Thực hiện chạy không tải trong chế độ 2 mặt của ADF.	
6010	Điều chỉnh vị trí đóng dấu của ADF.	Không sử dụng.	
6016	Xác định khổ bản gốc được ưu tiên.	Cài đặt tự động nhận bản gốc.	
6017	Điều chỉnh sự dẫn nở ảnh khi bản gốc chạy qua ADF.	Điều chỉnh độ dẫn nở bằng cách điều chỉnh tốc độ scan. [-50 (-5%) ~ +50 (+5%)/0/0.01%]	

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
6018	Cài đặt chiều dài bản gốc.	Cài chiều dài bản gốc : điều chỉnh sự kẹt bản gốc. Mặc định : 440mm. Lớn nhất : 1260mm.
8020	Chế độ chuyển in/out của ADF.	Sensor thời gian nhận dạng cạnh trước của bản gốc khổ nhỏ (B5, A5, HLT) và Giữ chậm bản gốc ở trục dẫn giấy theo một số xung xác định để đảm bảo về độ uốn cong và hiệu chỉnh lệch bản gốc. [0 ~ 1/0/1] 0 : Giữ chậm và hiệu chỉnh lệch cho giấy nhỏ. 1 : Giữ chậm và hiệu chỉnh lệch cho toàn bộ các khổ giấy.
6105	Điều chỉnh vị trí bấm ghim.	Điều chỉnh vị trí bấm ghim. [-3.5 ~ +3.5/0/0.5mm]
6113	Điều chỉnh đục lỗ.	
	001	2 Lỗ
		Điều chỉnh vị trí lỗ đục khi thực hiện đục 2 lỗ. [-7.5 ~ +7.5/0/0.5mm]
	002	3 Lỗ
		Điều chỉnh vị trí lỗ đục khi thực hiện đục 3 lỗ. [-7.5 ~ +7.5/0/0.5mm]
6116	Hạn chế bộ đếm ghim khi bấm giấy dày.	Số ghim được tăng hơn bình thường, cài đặt số giấy dày xác định để bấm ghim. [1 ~ 3/3/1 tờ]
6119	Có thể đục lỗ giấy dày.	Cho phép đục lỗ giấy dày sau đó xếp thành tập . [0 ~ 1/0/1] 0 : Không thể đục lỗ giấy dày. 1 : Được phép đục lỗ giấy dày.

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.		
6120	Điều chỉnh bộ võ giấy để bấm ghim.			
	001	A3	Điều chỉnh vị trí cuối cùng của võ khổ giấy đưa vào bộ bấm ghim. [0 ~ 1.5/0/0.5mm].	
	002	B4		
	003	A4 SEF.		
	004	A4 LEF.		
	005	B5 SEF.		
	006	B5 LEF.		
	007	DLT		
	008	LG		
	009	LT SEF.		
	010	LT LEF.		
	011	OTHER.		
6900	Cài đặt thời điểm nâng/hạ khay ADF.	Cài đặt thời điểm nâng khay nạp bản gốc của ADF. [0 ~ 1/0/1] 0 : Nâng khi nhận bản gốc. 1 : Nâng khi bấm phím "Start".		
6902	Điều chỉnh vị trí nếp gấp.		Điều chỉnh vị trí nếp gấp của bộ gấp giấy theo các khổ giấy.	
	001	A3/DTL.		[-3.0 ~ +3.0/0/0.5mm]
	002	B4		[-2.0 ~ +2.0/0/0.5mm]
	003	A4 LT		[-1.5 ~ +1.5/0/0.5mm]

2.2.7. SP7 - xxx : Các bộ đo tham số.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.	
7001	Hiển thị thời gian hoạt động của động cơ.	Hiển thị tổng thời gian quay của trống.	
7002	Bộ đếm bản gốc.		
	001	Bộ đếm tổng.	Tổng số bản gốc được đặt vào máy.
	002	Bộ đếm copy.	Tổng số bản copy.
	003	Bộ đếm Fax.	Không sử dụng.
	004	Hộp tài liệu.	Hiển thị tổng số tài liệu được lấy từ máy chủ.
	005	Bộ đếm scanner.	Hiển thị tổng số bản gốc thực hiện tính năng scan.
	006	Bộ đếm khác.	Hiển thị tổng số bản gốc thực hiện chức năng khác.
7003	Bộ đếm in.		
	001	Bộ đếm tổng.	Hiển thị tổng số bản in của mọi chức năng.
	002	Bộ đếm copy.	Hiển thị tổng số bản in trong chức năng copy.
	003	Bộ đếm Fax.	Hiển thị tổng số bản in trong tính năng Fax.
	004	Bộ đếm in.	Hiển thị tổng số bản in trong chế độ in.
	005	Bộ đếm khác.	Hiển thị tổng số bản in của các tính năng khác.
7006	Bộ đếm C/O , P/O.		
	001	C/O.	Hiển thị số bộ tài liệu được thực hiện thành 10 bộ copy. Nếu thực hiện copy nhân bản từ một bộ tài liệu thành 15 bộ tài liệu thì tham số của bộ đếm sẽ tăng lên "6".

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	002	P/O.	Hiển thị số bộ tài liệu được thực hiện in thành 10 bộ . Nếu thực hiện in nhân bản từ một bộ tài liệu thành 15 bộ tài liệu thì tham số của bộ đếm sẽ tăng lên "6".
7007	Bộ đếm khi thực hiện các		chức năng khác.
	001	Bộ đếm Duplex.	Hiển thị bộ đếm cho từng chức năng.
	002	Bộ đếm đúp A3.	
	003	Bộ đếm dập ghim.	
	004	Bộ đếm scanner.	
7101	Bộ đếm in theo khổ giấy.		Hiển thị tổng số bản in theo khổ giấy.
	005	A4 LEF.	Hiển thị tổng số copy theo các khổ giấy trong dải : 0 ~ 9.999.999
	006	A5 LEF.	
	014	A5 LEF.	
	038	LT LEF.	
	044	HLT LEF.	
	132	A3 LEF.	
	133	A4 SEF.	
	134	A5 SEF.	
	141	B4 SEF.	
	142	B5 SEF.	
	160	DLT SEF.	
	164	LG SEF.	
	166	LT SEF.	
	172	HLT SEF.	
255	Các khổ khác.		
7105	Bộ đếm các kiểu giấy.		Hiển thị bộ đếm cho các loại giấy. Bộ đếm 1 : Khi in một mặt. Bộ đếm 2 : Khi in hai mặt.
	001	Giấy bình thường.	
	002	Giấy tái chế .	
	003	Giấy đặc biệt.	
	004	Giấy màu 1.	

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	005	Giấy màu 2.	Dải hiển thị : 0 ~ 9.999.999
	006	Giấy tiêu đề viết thư.	
	007	Giấy đề can nhân mác.	
	008	Giấy dây.	
	009	Giấy OHP.	
	010	Giấy đã qua sử dụng.	
	011	Tờ thẻ .	
	012	Giấy bóng mờ .	
	255	Các loại giấy khác.	
7201	Bộ đếm tổng scan.		Hiển thị tổng số bản gốc được thực hiện chức năng scan.
7204	Bộ đếm in của các khay giấy.		Hiển thị tổng số giấy được kéo vào in từ mỗi khay.
	001	Khay tay.	
	002	Khay 1.	
	003	Khay 2.	
	004	Khay 3.	
	005	Khay 4.	
	006	Khay LCT.	
	007	Khay lồng bì.	
7205	Bộ đếm của ADF.		Hiển thị tổng số bản gốc đã chạy qua ADF.
7206	Bộ đếm bấm ghim.		Hiển thị tổng số ghim bấm.
	001	Bấm ghim bình thường.	
	002	Bấm ghim đóng sách.	
7209	Bộ đếm đục lỗ.		Hiển thị tổng số thời gian bộ đục lỗ hoạt động.
7301	Bộ đếm số copy thực hiện		chức năng thu phóng.
	001	25% ~ 49%	Hiển thị số tổng số copy thực hiện trong từng giải thu phóng. Dải hiển thị : 0 ~ 9.999.999. Xóa bộ đếm này bằng mã
	002	50% ~ 99%	
	003	100%	
	004	101% ~ 200%	

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
	005	201% ~ 400%.
	006	Phóng tự do %.
	007	Phóng tự do theo khổ %.
7304	Bộ đếm số copy theo các chức năng.	
	001	Văn bản.
	002	Văn bản / ảnh.
	003	ảnh.
	004	Copy tổng hợp.
	005	Chế độ copy mờ.
	006	Đục lỗ.
	007	Chế độ lặp lại.
	008	Chế độ chia bộ.
	009	Chế độ bấm ghim.
	010	Chế độ phân nhóm.
	011	Chế độ xoá.
	012	Chế độ duplex.
	013	ADF.
	014	Copy đúp.
	015	Chế độ duplex bản gốc.
	016	Chia bản copy.
	017	Nhóm 1 mặt.
	018	Nhóm 2 mặt.
	019	Chế độ gấp sách.
	020	Chế độ đóng sách.
	021	Một đợt vận hành.
	022	SADF
	023	Chế độ nhiều khổ giấy.
	024	Đóng dấu bản gốc.
	025	Tờ Bìa/danh mục chương.
	026	Trang đầu chương.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
7305	Copy : Hiển thị các việc copy nhân bản.	Hiển thị tổng số lần copy nhân bản . Xoá bộ đếm này SP7838 và SP7848.
	001	1 thành 1
	002	1 thành 2 , 2 <->5
	003	1 thành 6 <->10
	004	1 thành 11 <->20
	005	1 thành 21 <->50
	006	1 thành 51 <->100
	007	1 thành 101 <->300
	008	1 thành 301 <-> lên nữa.
7306	Copy : Hiển thị các chế độ đã thực hiện.	Hiển thị tổng số lần thực hiện các chế độ như : Bấm ghim , đục lỗ... Xoá bộ đếm : SP7839, SP7848.
7320	Doc.Svr : Bộ đếm scanner	Hiển thị tổng số trang đã scan và nhớ trong file tài liệu của máy chủ. Xoá SP7840,SP7848.
7321	Doc.Svr : Hiển thị khổ bản gốc.	Hiển thị tổng số trang theo từng khổ bản gốc được lưu giữ trong file tài liệu của máy chủ. Xoá : SP7841 , SP7848.
7323	Doc.Svr: Hiển thị khổ bản in.	Hiển thị tổng số trang in theo từng khổ giấy được in từ bộ nhớ của máy chủ. xoá SP7842,7848.
7324	Doc.Svr: Bộ đếm tác vụ in.	Tổng số lần thực hiện tác vụ in tài liệu từ máy chủ. Xoá : SP7843, SP7848.
7325	Doc.Svr: Tác vụ đếm (Đánh số trang).	Hiển thị số giấy được thực hiện đánh số trang từ máy chủ. Xoá : SP7844, SP7848.
7326	Doc.Svr: Tác vụ đếm (Đánh số file).	Hiển thị số File được thực hiện đánh số file từ máy chủ.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		Xoá : SP7845, SP7848.
7327	Doc.Svr: Tác vụ đếm (Đánh số bộ).	Hiển thị số bộ được thực hiện đánh số bộ từ máy chủ. Xoá : SP7846, SP7848.
7328	Doc.Svr: Tác vụ đếm (Chế độ in).	Hiển thị tổng số trang in trong chế độ in thực hiện từ máy chủ. Xoá : SP7847, SP7848.
7401	Bộ đếm tổng số lỗi (SC).	Hiển thị tổng số lần báo lỗi.
7403	Lịch sử lỗi SC.	Hiển thị các lỗi SC xảy ra nhiều lần. Nó sẽ hiển thị SC - xxx , số lần xuất hiện lỗi và ngày xảy ra lỗi , Hiển thị cho 10 lỗi liên tiếp. Đối với lỗi SC990 và SC991 (Lỗi phần mềm điều khiển) nó sẽ hiển thị 3 thông tin về lỗi : - Hiển thị SC-xxx. - Hiển thị Tham số bị lỗi. - Hiển thị tên File bị lỗi.
7502	Bộ đếm tổng số lần kẹt giấy.	Hiển thị tổng số lần copy bị kẹt giấy.
7503	Bộ đếm tổng số lần kẹt bản gốc.	Hiển thị tổng số lần kẹt bản gốc.
7504	Bộ đếm kẹt giấy ở các vị trí .	Hiển thị danh sách các vị trí và tổng số giấy kẹt ở từng vị trí.
7505	Bộ đếm tổng số lần kẹt bản gốc.	Hiển thị tổng số lần kẹt bản gốc ở các khổ giấy khác nhau.
005	A4 LEF.	
006	A5 LEF.	
014	B5 LEF.	
038	LT LEF.	
044	HLT LEF.	
128	Khổ giấy khác.	
132	A3.	
133	A4 SEF.	

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	134	A5 SEF.	
	141	B4 SEF.	
	142	B5 SEF.	
	160	DLT.	
	164	LG.	
	166	LT SEF.	
	172	HLT SEF.	
7506	Tổng số lần kẹt giấy do khổ giấy.		Hiển thị tổng số lần kẹt giấy do khổ giấy không đúng.
7507	Lịch sử kẹt giấy.		
	001	Lần copy mới nhất.	Hiển thị trình tự 10 lần copy bị kẹt giấy gần nhất. Mỗi lần hiển thị các thông số sau : - J code. - Khổ giấy. - Tổng số lần kẹt. - Ngày kẹt. "Jam code" xem trong báo cáo SMC của mã SP7504.
	002	Lần 1	
	003	Lần 2.	
	004	Lần 3.	
	005	Lần 4.	
	006	Lần 5.	
	007	Lần 6	
	008	Lần 7	
	009	Lần 8.	
	010	Lần 9.	
7508	Lịch sử kẹt bản gốc.		
	001	Lần copy mới nhất.	Hiển thị trình tự 10 lần copy bị kẹt giấy gần nhất. Mỗi lần hiển thị các thông số sau : - J code. - Khổ giấy. - Tổng số lần kẹt. - Ngày kẹt. "Jam code" xem trong báo cáo SMC của mã SP7504.
	002	Lần 1	
	003	Lần 2.	
	004	Lần 3.	
	005	Lần 4.	
	006	Lần 5.	
	007	Lần 6	
	008	Lần 7	
	009	Lần 8.	
	010	Lần 9.	
7618	Xoá bộ đếm tuổi thọ vật tư.		
	001	Bình thường.	Bấm "Execute" xoá bộ đếm sau

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
			khí đã thay vật tư mới.
	002	DF	Bấm "Execute" xoá bộ đếm sau khi đã thay vật tư ADF mới.
7801	Hiển thị " ROM version ".		Hiển thị số của "ROM version" của máy chính và các thiết bị đồng bộ.
7802	Hiển thị bộ đếm PM.		Hiển thị bộ đếm PM trước đó và bộ đếm hiện tại.
7804	Xoá bộ đếm PM.		Xoá toàn bộ bộ đếm PM.
7807	Xoá bộ đếm SC/kẹt giấy.		Xoá toàn bộ bộ đếm SC/kẹt giấy.
7808	Xoá các bộ đếm.		Nhấn phím "#" để xoá các bộ đếm điện tử, Đồng thời xoá các bộ đếm chọn thêm Card/key. Xoá các bộ đếm dưới đây : - Bộ đếm tổng điện tử. - Bộ đếm copy. - Bộ đếm in. - Bộ đếm duplex. - Bộ đếm ghim. - Bộ đếm A3/DLT. - Bộ đếm P/O. - Bộ đếm C/O.
7810	Xoá mã cho người sử dụng.		Bấm phím "#" xoá tất cả các Password dùng cho khách hàng và không sử dụng tính năng này.
7811	Xoá bộ đếm tổng số bản gốc.		Xoá hiển thị tổng số bản gốc , đồng thời nó sẽ hiển thị: SP7-002-*** tới xoá bấm vào phím Ⓞ.
7816	Xoá bộ đếm copy.		Xoá bộ đếm kéo giấy của các khay.
	001	Khay 1- khay kép.	
	002	Khay 2.	
	003	khay 3.	

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.		Chức năng/ Điều chỉnh.
	004	Khay 4 - Máy ở Nhật.	
	005	LCT	
	006	Khay tay.	
7817	Xoá bộ đếm của ADF.		Xoá bộ đếm của mã SP7205.
7822	Xoá bộ đếm thực hiện công việc thu phóng.		Xoá bộ đếm của SP7301.
7825	Xoá bộ đếm tổng.		Xoá bộ đếm tổng điện tử. Mã này dùng để lấy lại giá trị ban đầu của bộ đếm.
7826	Thiết bị đếm Card/key chọn thêm.		Hiển thị số của bộ đếm yêu cầu của bộ đếm Card/key. Chỉ sử dụng ở Nhật Bản.
	001	Bộ đếm tổng lỗi.	
	002	Bộ đếm ghim lỗi.	
7828	Xoá bộ đếm đục lỗ.		Xoá bộ đếm của mã SP7209.
7832	Báo cáo chi tiết Sefl-Dianostic		Nhấn phím "#" hiển thị lên danh sách lỗi. Không hiển thị những lỗi không báo.
7836	Nội dung bộ nhớ.		Bấm phím "#" hiển thị nội dung của bộ nhớ trong bảng điều khiển.
7837	Xoá Copy : Paper by mode.		Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7304.
7838	Xoá bộ đếm copy nhân bản.		Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7305.
7839	Xoá bộ đếm thực hiện các chế độ.		Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7306.
7840	Xoá LS : Đăng nhập vào bộ nhớ hình ảnh.		Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7320.
7841	Xoá LS : Các khổ bản gốc.		Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7321.
7842	Xoá LS : Khổ giấy in.		Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7323.
7843	Xoá LS : Đăng nhập in.		Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ

=====

Việt Jst, Co - Địa chỉ - 17 Tạ Quang Bửu - Hà nội. Hoàng Hà - 0913202644.

Tài liệu kỹ thuật máy RICOH Aficio 1060.

SP	Số / Tên.	Chức năng/ Điều chỉnh.
		đếm của mã SP7324.
7844	Xoá LS : Bộ đếm số trang in.	Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7325.
7845	Xoá LS : Bộ đếm file in.	Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7326.
7846	Xoá LS : Bộ đếm số bộ in , copy.	Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7327.
7847	Xoá LS : bộ đếm của Printer mode.	Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7328.
7848	Copy : Xoá toàn bộ bộ đếm.	Bấm "Execute" thực hiện xoá bộ đếm của mã SP7301 , SP7304, SP7305, SP7306, SP7320, SP7321, SP7323, SP7324, SP7325, SP7326, SP7327, SP7328.
7901	Xác nhận thông tin không chính xác.	
	001 Tên File.	Dùng để gỡ lỗi. DFU.
	002 Đường line No.	
	003 Tham số.	
7910	Số ROM.	In số ROM trong báo cáo SMC. Số của ROM không hiển thị trên màn hiển thị.
7911	Firmware version.	Hiển thị số của version của tất cả các fimware trong hệ thống.
7990	Trạng thái của các lỗi SC đã báo.	Hiển thị trình tự thông tin của các lỗi đã báo : 1. Tên file nguồn. 2. Mã báo lỗi : SC-xxx. 3. Kết quả.